

Số: 1977/QĐ-ĐHTCM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về sử dụng trí tuệ nhân tạo trong các sản phẩm học thuật tại Trường Đại học Tài chính – Marketing

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI CHÍNH – MARKETING

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 125/2025/QH15;

Căn cứ Luật Trí tuệ nhân tạo số 134/2025/QH15;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 36/2009/QH12; Luật số 42/2019/QH14; Luật số 07/2022/QH15.

Căn cứ Nghị định số 13/2023/NĐ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ về bảo vệ dữ liệu cá nhân;

Căn cứ Nghị định số 91/2026/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 04/2025/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về kiểm định chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 20/2026/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về sử dụng trí tuệ nhân tạo trong các sản phẩm học thuật tại Trường Đại học Tài chính – Marketing.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Trưởng phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng, Trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Giám hiệu;
- Như Điều 2;
- Lưu: VT, KTQLCL (01b).

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Tiến Đạt

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - MARKETING



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Về sử dụng trí tuệ nhân tạo trong các sản phẩm học thuật
tại Trường Đại học Tài chính – Marketing

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1944/QĐ-ĐHTCM ngày 14 tháng 5 năm 2026
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài chính – Marketing)

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG VÀ NGUYÊN TẮC QUẢN TRỊ

Điều 1. Mục đích và phạm vi điều chỉnh

1. Mục đích ban hành: Quy định này thiết lập khuôn khổ quản trị toàn diện việc sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong các sản phẩm học thuật bao gồm các sản phẩm trong hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động khác tại Trường Đại học Tài chính – Marketing (sau đây gọi tắt là Trường). Mục tiêu nhằm bảo đảm việc ứng dụng công nghệ phù hợp với mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra chương trình và chiến lược phát triển bền vững của Trường; đồng thời đảm bảo tuân thủ pháp luật và duy trì liêm chính học thuật.

2. Quy định này đồng thời thiết lập các nguyên tắc và cơ chế kiểm soát việc sử dụng trí tuệ nhân tạo trong hoạt động học tập, kiểm tra và đánh giá, nhằm đảm bảo kết quả học tập phản ánh đúng năng lực thực chất của người học và các sản phẩm học thuật.

3. Định hướng và chiến lược quản trị cốt lõi

a) AI là công cụ hỗ trợ: Trường xem AI là công cụ nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu và hiệu quả quản trị, tuyệt đối không thay thế bản chất của hoạt động học thuật, đặc biệt là năng lực tư duy độc lập và sáng tạo của con người;

b) Nguyên tắc "Con người kiểm soát": Đảm bảo quyền giám sát, khả năng can thiệp và quyền quyết định cuối cùng của con người đối với các hệ thống AI có ảnh hưởng đến kết quả học tập, nghiên cứu hoặc quyền lợi hợp pháp của người học;

c) Quản trị dựa trên mức độ rủi ro: Các hệ thống AI có tác động lớn đến kết quả học tập hoặc các quyết định chuyên môn phải được kiểm soát chặt chẽ thông qua các cơ chế khai báo, lưu vết và giám sát chuyên biệt;

d) Công bằng kỹ thuật số: Đảm bảo mọi người học có cơ hội tiếp cận công nghệ bình đẳng; Trường xem xét các giải pháp hỗ trợ để không tạo ra sự bất bình đẳng trong đánh giá giữa những người học có điều kiện tiếp cận các công cụ AI khác nhau;

đ) Ưu tiên lợi ích học thuật: Mọi hoạt động sử dụng AI phải đặt lợi ích học thuật lâu dài, chất lượng đào tạo và uy tín của Trường lên trên các tiện ích ngắn hạn;

f) Quy định được rà soát, cập nhật định kỳ theo quy định pháp luật hiện hành và thực tiễn công nghệ.

4. Phạm vi điều chỉnh về hoạt động chuyên môn: Quy định này điều chỉnh việc sử dụng, quản lý và kiểm soát rủi ro liên quan đến AI trong toàn bộ các mảng công tác sau

a) Hoạt động học tập và đánh giá: Bao gồm việc thiết kế học phần, giảng dạy, làm bài tập, tiểu luận, đồ án, khóa luận, báo cáo chuyên đề, luận văn, luận án và các hình thức kiểm tra, đánh giá;

b) Hoạt động nghiên cứu khoa học: Thực hiện đề tài các cấp, công bố bài báo, sách chuyên khảo, biên soạn ngân hàng đề thi và đăng ký quyền sở hữu trí tuệ;

c) Quản trị và dữ liệu: Tuyển sinh, hệ thống quản lý học tập (LMS), phân tích dữ liệu học thuật, hỗ trợ ra quyết định và an ninh mạng.

5. Hệ thống AI và cơ sở pháp lý

a) Quy định áp dụng đối với cả hệ thống AI do cá nhân chủ động sử dụng và hệ thống AI do Trường triển khai, tích hợp vào các nền tảng chính thức;

b) Văn bản này được áp dụng đồng thời với các quy chế đào tạo, liên chính học thuật và nghiên cứu khoa học hiện hành. Trường hợp chương trình liên kết quốc tế có quy định khác biệt, ưu tiên áp dụng tiêu chuẩn liên chính cao nhất và không trái pháp luật Việt Nam;

c) Đây là căn cứ pháp lý để các đơn vị chuyên môn xây dựng hướng dẫn đặc thù cho từng ngành đào tạo nhưng không được trái với các nguyên tắc tại văn bản này;

d) Hỗ trợ triển khai: Trường xem xét cung cấp tài khoản AI tập trung nhằm đảm bảo công bằng tiếp cận, bảo mật dữ liệu và kiểm soát chi phí.

6. Yêu cầu triển khai bắt buộc

a) Tất cả học phần phải quy định rõ mức độ sử dụng AI (Mức 0–3) trong đề cương chi tiết;

b) Các bài đánh giá thuộc Mức 2 và 3 phải kèm yêu cầu khai báo AI;

c) Việc không quy định rõ mức độ AI trong học phần được xem là thiếu sót trong thiết kế đánh giá và phải được rà soát, điều chỉnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng và giải thích từ ngữ

1. Đối tượng áp dụng: Quy định này áp dụng đối với các chủ thể tham gia vào hệ sinh thái giáo dục của Trường, bao gồm:

a) Người học: Sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh ở tất cả các trình độ, hệ đào tạo của Trường;

b) Nhân sự của Trường: Viên chức, người lao động tham gia giảng dạy, hướng dẫn nghiên cứu, trợ giảng, cán bộ quản lý và thành viên các hội đồng đánh giá học thuật;

c) Các đơn vị trực thuộc: Khoa, viện, trung tâm, phân hiệu, cơ sở đào tạo và các bộ phận chức năng liên quan đến công tác đào tạo, khảo thí, bảo đảm chất lượng;

d) Các đối tác bên ngoài: Tổ chức, cá nhân tham gia hợp tác nghiên cứu, giảng dạy hoặc cung cấp các giải pháp công nghệ AI tích hợp vào hệ thống của Trường;

2. Giải thích từ ngữ: Các thuật ngữ trong Quy định này được định nghĩa như sau

a) Trí tuệ nhân tạo (AI) trong Quy định này được hiểu là các hệ thống phần mềm có khả năng tạo sinh, phân tích hoặc hỗ trợ xử lý thông tin dựa trên thuật toán học máy hoặc mô hình ngôn ngữ;

b) Hệ thống trí tuệ nhân tạo (AI System): Hệ thống dựa trên máy tính có khả năng tự chủ nhất định, suy luận từ dữ liệu đầu vào để tạo ra các dự đoán, nội dung, khuyến nghị hoặc quyết định có ảnh hưởng tới môi trường vật lý hoặc số;

c) AI tạo sinh (Generative AI): Hệ thống AI có khả năng tạo ra các nội dung mới

như văn bản, hình ảnh, âm thanh, mã nguồn hoặc dữ liệu dựa trên yêu cầu (câu lệnh) của người dùng;

d) Nội dung do AI tạo ra: Các sản phẩm được hệ thống AI tạo ra một phần hoặc toàn bộ dựa trên các câu lệnh;

đ) Sử dụng AI trong các sản phẩm học thuật là việc người học hoặc giảng viên sử dụng các công cụ AI để hỗ trợ hoặc tham gia vào quá trình tạo lập nội dung học tập, bao gồm nhưng không giới hạn ở việc tìm ý tưởng, soạn thảo, chỉnh sửa, phân tích hoặc tạo sản phẩm học thuật;

e) Vi phạm quy định sử dụng AI là hành vi sử dụng AI làm thay thế đáng kể quá trình tư duy, phân tích hoặc tạo lập nội dung học thuật mà không khai báo hoặc không được phép;

g) Khai báo việc sử dụng AI là việc người học cung cấp thông tin về công cụ AI đã sử dụng, mục đích sử dụng và phạm vi nội dung có sự hỗ trợ của AI trong sản phẩm học tập;

h) Kỹ thuật đặt câu lệnh: Cách thức thiết kế và tối ưu hóa các câu lệnh đầu vào để điều khiển AI tạo ra kết quả chính xác theo mục tiêu học thuật;

i) Nhật ký câu lệnh: Tập hợp các câu lệnh và phản hồi chính thể hiện quá trình làm việc với AI; không yêu cầu ghi lại toàn bộ lịch sử, chỉ các bước quan trọng phục vụ việc giải trình;

k) Sản phẩm học thuật: Kết quả của quá trình học tập, giảng dạy hoặc nghiên cứu dùng làm căn cứ đánh giá năng lực, công nhận hoàn thành nhiệm vụ hoặc công bố khoa học;

l) Mức độ sử dụng AI: Các giới hạn cho phép sử dụng công nghệ (từ Mức 0 đến Mức 3) được xác định cho từng nhiệm vụ dựa trên chuẩn đầu ra;

m) Cơ chế "Vùng an toàn" (Safe Harbor): Chính sách khuyến khích người học tự nguyện khai báo việc sử dụng AI quá mức quy định trước khi bị phát hiện hoặc trước khi được yêu cầu xác minh để được xem xét giảm nhẹ mức độ xử lý;

n) Sử dụng AI đáng kể: Sử dụng AI đáng kể là trường hợp AI tham gia trực tiếp vào việc hình thành nội dung, lập luận hoặc phân tích chính của sản phẩm học thuật;

o) Thời hạn lưu trữ minh chứng AI: Khoảng thời gian tối thiểu mà người học, giảng viên hoặc nhà nghiên cứu có nghĩa vụ lưu giữ các minh chứng liên quan đến quá trình sử dụng AI (bao gồm nhật ký câu lệnh, bản thảo thô, dữ liệu quá trình), được quy định cụ thể tại Chương IV của Quy định này;

p) Tài khoản AI tập trung: Tài khoản hoặc giấy phép sử dụng công cụ AI do Trường mua sắm và cung cấp cho giảng viên, người học nhằm đảm bảo công bằng kỹ thuật số, bảo mật dữ liệu và kiểm soát chi phí. Việc quản lý và cấp phát tài khoản này thuộc trách nhiệm Viện Chuyển đổi số của Trường;

q) Minh chứng quá trình: Bao gồm bản nháp, nhật ký truy cập hoặc dữ liệu thể hiện quá trình thực hiện, dùng để xác minh đóng góp trí tuệ thực chất.

Điều 3. Nguyên tắc đạo đức, liêm chính và tuân thủ pháp luật

1. Tuân thủ pháp luật hiện hành: Mọi hoạt động nghiên cứu, phát triển, triển khai và sử dụng trí tuệ nhân tạo tại Trường phải tuân thủ nghiêm ngặt quy định của các quy định pháp luật hiện hành về trí tuệ nhân tạo, pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân, an toàn thông tin mạng, sở hữu trí tuệ và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

2. Các giá trị đạo đức cốt lõi trong sử dụng AI

a) Nguyên tắc con người là chủ thể: Phải bảo đảm sự giám sát, khả năng can thiệp và quyền quyết định cuối cùng của con người đối với các hệ thống AI; công nghệ không được thay thế vai trò ra quyết định học thuật quan trọng;

b) Sự minh bạch và trách nhiệm giải trình: Người sử dụng phải có khả năng giải trình về việc sử dụng AI đã hỗ trợ để tạo ra sản phẩm học thuật hoặc quyết định chuyên môn;

c) Công bằng và không phân biệt đối xử: Chủ động nhận diện, hạn chế và loại bỏ các rủi ro về thiên lệch thuật toán, đảm bảo không có định kiến về giới tính, sắc tộc, vùng miền hoặc tôn giáo trong các kết quả do AI tạo ra;

d) Tính an toàn và không gây hại: Tuyệt đối không sử dụng AI để tạo ra thông tin sai lệch, gây phương hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức và cá nhân;

đ) Trách nhiệm gương mẫu của giảng viên và cán bộ quản lý: Giảng viên, người hướng dẫn, cán bộ quản lý và nhân viên phải tuân thủ các chuẩn mực đạo đức AI ở mức độ cao hơn so với người học, bao gồm: công bố minh bạch khi sử dụng AI trong soạn thảo đề thi, thiết kế học liệu hoặc đánh giá kết quả; không sử dụng AI để thay thế phán xét chuyên môn trong các quyết định học thuật quan trọng; và không dùng AI để xử lý dữ liệu cá nhân của người học ngoài phạm vi được phép.

3. Chuẩn mực liêm chính học thuật trong môi trường số

a) Liêm chính học thuật là giá trị nền tảng không thay đổi; việc ứng dụng AI không làm suy giảm trách nhiệm cá nhân đối với sự trung thực trong học tập và nghiên cứu;

b) Tính nguyên gốc: Sản phẩm học thuật phải là kết quả của sự đóng góp trí tuệ thực chất từ cá nhân hoặc nhóm thực hiện. Việc sử dụng AI chỉ được xem là công cụ hỗ trợ quá trình, không được thay thế tư duy độc lập;

c) Nghĩa vụ minh chứng tư duy: Người học có trách nhiệm lưu trữ và sẵn sàng cung cấp minh chứng về quá trình tư duy độc lập khi có yêu cầu xác minh từ giảng viên hoặc hội đồng. Nghĩa vụ cụ thể, hình thức minh chứng và thời hạn lưu trữ thực hiện theo quy định tại Điều 7;

d) Xác minh khách quan: Việc kiểm tra vi phạm liên quan đến AI phải dựa trên chứng cứ thực chất, không được định kiến với công nghệ và không được sử dụng kết quả từ phần mềm phát hiện AI làm căn cứ duy nhất để kết luận vi phạm.

Điều 4. Nguyên tắc minh bạch, bảo mật dữ liệu và sở hữu trí tuệ

1. Quản trị minh bạch và thích ứng

a) Việc sử dụng AI phải đảm bảo không làm sai lệch kết quả đánh giá năng lực thực chất của người học;

b) Việc sử dụng AI phải được khai báo minh bạch trong các sản phẩm học tập theo quy định của học phần;

c) Việc sử dụng AI phải tuân thủ quy định cụ thể của từng học phần và từng hình thức kiểm tra, đánh giá;

d) Việc sử dụng AI phải được thực hiện công khai, có thể nhận diện và truy xuất được nguồn gốc;

đ) Công bố mức độ sử dụng: Giảng viên có trách nhiệm công bố rõ mức độ cho phép sử dụng AI (từ Mức 0 đến Mức 3) đối với từng học phần hoặc nhiệm vụ đánh giá ngay từ khi bắt đầu triển khai;

e) Cơ chế "Vùng an toàn": Trường khuyến khích sự trung thực tự nguyện. Chính sách và điều kiện áp dụng cụ thể của cơ chế này được quy định tại Điều 7.

2. Bảo vệ dữ liệu và an ninh thông tin

a) Người sử dụng chịu trách nhiệm toàn diện về mọi rủi ro rò rỉ dữ liệu khi chia sẻ thông tin lên các nền tảng AI của bên thứ ba;

b) Danh mục dữ liệu nghiêm cấm: Nghiêm cấm đưa lên các nền tảng AI công cộng các dữ liệu sau: (i) Dữ liệu cá nhân nhạy cảm, hồ sơ học vụ, dữ liệu điểm số của người học và nhân sự; (ii) Đề thi, ngân hàng câu hỏi hoặc các nội dung đánh giá học thuật chưa được công bố; (iii) Dữ liệu nghiên cứu chưa công bố hoặc thông tin thuộc danh mục bí mật, quản trị nội bộ của Trường;

c) Việc dùng dữ liệu của Trường để huấn luyện hoặc tinh chỉnh các hệ thống AI phải được Hiệu trưởng phê duyệt bằng văn bản.

3. Xác lập quyền sở hữu trí tuệ và trách nhiệm tác giả

a) AI không phải là tác giả: AI không được ghi nhận là tác giả, đồng tác giả hoặc chủ thể học thuật dưới bất kỳ hình thức nào trong các hồ sơ công bố khoa học hoặc sản phẩm học tập;

b) Trách nhiệm toàn diện của con người: Tác giả đứng tên phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, tin cậy và hệ quả pháp lý của sản phẩm, bao gồm việc kiểm chứng để đảm bảo AI không tạo ra nội dung xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của bên thứ ba do lỗi "ảo giác";

c) Nghĩa vụ trích dẫn và công bố: Phải ghi nhận nguồn rõ ràng đối với mọi nội dung do AI tạo ra và thực hiện khai báo trung thực về công cụ, phiên bản, phạm vi sử dụng trong các phần như "Phương pháp nghiên cứu" hoặc "Lời cảm ơn" theo mẫu khai báo AI của Trường (Phụ lục 1 kèm theo);

d) Bảo đảm tính hợp lệ: Việc sử dụng AI không được làm sai lệch bản chất của hoạt động đo lường năng lực cá nhân; kết quả đánh giá phải có căn cứ xác định đóng góp trí tuệ thực chất của con người thông qua các hình thức kiểm soát trực tiếp.

Điều 5. Phân loại hệ thống AI theo mức độ rủi ro

1. Nguyên tắc phân loại: Trường thực hiện phân loại các hệ thống và công cụ AI dựa trên mức độ tác động, khả năng thay thế tư duy con người và rủi ro đối với liêm chính học thuật, an toàn dữ liệu và quyền lợi của người học. Việc phân loại này là căn cứ để áp dụng các cơ chế kiểm soát, giám sát và nghĩa vụ khai báo tương ứng.

2. Các nhóm hệ thống AI cụ thể

a) Nhóm 1 - Công cụ hỗ trợ kỹ thuật (Rủi ro thấp): Bao gồm các hệ thống phục vụ chỉnh sửa chính tả, ngữ pháp, định dạng văn bản hoặc hỗ trợ kỹ thuật thuần túy, không có khả năng tạo lập nội dung học thuật mới hoặc thay đổi lập luận của con người;

b) Nhóm 2 - Công cụ hỗ trợ nội dung (Rủi ro trung bình): Bao gồm các công cụ hỗ trợ tìm kiếm, tóm tắt tài liệu, gợi ý ý tưởng sơ bộ hoặc lập dàn ý tham khảo, nhưng không thay thế hoạt động tư duy và lập luận chính của người học;

c) Nhóm 3 - Công cụ tạo sinh học thuật (Rủi ro cao): Bao gồm các hệ thống AI có khả năng tạo lập văn bản học thuật hoàn chỉnh, phân tích dữ liệu chuyên sâu, xây dựng lập luận khoa học hoặc viết mã nguồn phức tạp. Những công cụ này ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả đánh giá năng lực và chất lượng nghiên cứu;

d) Nhóm 4 - Công cụ hỗ trợ quyết định đánh giá (Rủi ro đặc biệt): Bao gồm các hệ

thống có chức năng chấm điểm tự động, xếp loại, sàng lọc hồ sơ hoặc đề xuất các quyết định học thuật quan trọng.

3. Cơ chế kiểm soát rủi ro

a) Đối với Nhóm 1 và Nhóm 2: Trường khuyến khích sử dụng và thực hiện trích dẫn nguồn theo quy định liên chính học thuật để tránh lỗi đạo văn vô ý;

b) Đối với Nhóm 3: Chỉ được phép sử dụng khi có sự đồng ý cụ thể của giảng viên hoặc trong các học phần được cấp phép (Mức 2, 3); bắt buộc thực hiện nghĩa vụ khai báo minh bạch và lưu trữ nhật ký câu lệnh;

c) Đối với Nhóm 4: Tuân thủ nghiêm ngặt nguyên tắc "Con người hậu kiểm". AI không được là chủ thể ra quyết định cuối cùng; kết quả của AI chỉ có giá trị tham khảo để giảng viên hoặc cán bộ quản lý phê duyệt và ký xác nhận;

d) Đối với tất cả các nhóm: Giảng viên sử dụng bất kỳ nhóm công cụ AI nào trong soạn thảo đề thi, xây dựng học liệu chính thức hoặc chấm điểm phải thực hiện khai báo nội bộ với Khoa/Viện và chịu trách nhiệm xác minh, hiệu chỉnh toàn bộ kết quả trước khi sử dụng chính thức theo mẫu khai báo nội bộ do Trường ban hành.

4. Cập nhật danh mục: Trường giao Viện Chuyển đổi số và Phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng định kỳ hàng năm cập nhật danh mục các nền tảng AI cụ thể thuộc từng nhóm rủi ro.

Điều 6. Phân loại mức độ sử dụng AI trong hoạt động học thuật

1. Căn cứ xác định: Việc xác định mức độ cho phép sử dụng AI trong từng học phần, nhiệm vụ học tập hoặc hoạt động nghiên cứu phải dựa trên mục tiêu đào tạo, chuẩn đầu ra (CLOs) và bản chất của hoạt động đánh giá.

2. Các mức độ sử dụng AI chi tiết

a) Mức 0: Nghiêm cấm sử dụng AI

Phạm vi: Áp dụng cho thi viết tập trung tại lớp, thi vấn đáp, kiểm tra trực tiếp hoặc các hoạt động yêu cầu phản xạ tư duy tức thời và kỹ năng thực hành độc lập của cá nhân.

Quy định: Người học không được phép truy cập hoặc sử dụng bất kỳ công cụ AI nào. Mọi hành vi có dấu hiệu nội dung do AI tạo ra đều bị coi là vi phạm liên chính học thuật nghiêm trọng. Đối với các bài kiểm tra, thi kết thúc học phần thực hiện trên nền tảng LMS hoặc phần mềm học trực tuyến, giảng viên và đơn vị phụ trách công nghệ phải thiết lập các biện pháp kiểm soát kỹ thuật phù hợp (khóa trình duyệt, giám sát camera, ngẫu nhiên hóa câu hỏi). Việc thiếu biện pháp kiểm soát kỹ thuật không miễn trừ trách nhiệm của người học khi vi phạm.

b) Mức 1: Sử dụng AI hỗ trợ ý tưởng (Không tạo nội dung)

Phạm vi: Cho phép AI hỗ trợ tìm kiếm tài liệu, gợi ý dàn ý sơ bộ, dịch thuật ngữ hoặc kiểm tra lỗi kỹ thuật (chính tả, ngữ pháp); Không được sử dụng AI để tạo đoạn văn hoàn chỉnh đưa trực tiếp vào bài làm.

Quy định: Không được sử dụng AI để viết các phần nội dung chính hoặc đoạn văn bản học thuật hoàn chỉnh thay cho người học.

Nghĩa vụ: Khuyến khích đính kèm phụ lục khai báo chi tiết và phải sẵn sàng giải trình về các công cụ đã hỗ trợ kỹ thuật khi giảng viên yêu cầu.

c) Mức 2: Sử dụng AI có điều kiện (Bắt buộc khai báo và phản biện)

Phạm vi: Cho phép AI hỗ trợ tạo bản nháp, tổng hợp dữ liệu sơ bộ, gợi ý hướng

tiếp cận hoặc hỗ trợ lập trình cơ bản.

Quy định: Người học phải trực tiếp tham gia vào quá trình phân tích, lập luận và hiệu chỉnh nội dung. Sản phẩm cuối cùng phải thể hiện sự làm chủ công nghệ của con người thông qua việc phản biện và kiểm chứng kết quả từ AI và nộp kèm minh chứng theo yêu cầu của học phần.

Nghĩa vụ: Bắt buộc nộp Phụ lục khai báo (Mẫu 1) và duy trì nhật ký câu lệnh để minh chứng quá trình tương tác khi có yêu cầu xác minh.

d) Mức 3: Tích hợp AI như một năng lực cốt lõi

Phạm vi: Áp dụng cho các học phần về chuyển đổi số, phân tích dữ liệu, lập trình hoặc các học phần có mục tiêu đào tạo năng lực tương tác với công nghệ AI.

Trọng tâm đánh giá: Đánh giá dựa trên kỹ thuật thiết kế câu lệnh năng lực phản biện, khả năng nhận diện thiên kiến thuật toán và sự tối ưu hóa công cụ của người học.

Nghĩa vụ: Khai báo chi tiết quy trình tương tác và so sánh giữa kết quả thô của AI với sản phẩm sau khi được con người tối ưu hóa.

3. Trách nhiệm công bố: Giảng viên phụ trách học phần hoặc chủ nhiệm nghiên cứu có thẩm quyền quyết định và có trách nhiệm công bố minh bạch mức độ AI (0-3) trong Đề cương chi tiết hoặc hướng dẫn nhiệm vụ ngay từ khi bắt đầu học kỳ hoặc trước khi giao nhiệm vụ. Việc không công bố mức độ sử dụng AI được xem là thiếu sót trong thiết kế học phần và phải được khắc phục.

Điều 7. Nghĩa vụ khai báo và minh chứng quá trình

1. Phạm vi bắt buộc: Nghĩa vụ khai báo sử dụng AI áp dụng đối với tất cả các sản phẩm học thuật được thực hiện ở Mức 2 (Có điều kiện) và Mức 3 (Tích hợp năng lực) theo quy định tại Điều 6. Đối với Mức 1, nghĩa vụ khai báo phát sinh khi AI được sử dụng ở mức độ đáng kể theo định nghĩa tại Điều 2. Người học có trách nhiệm thực hiện khai báo trung thực và đầy đủ đồng thời với thời điểm nộp sản phẩm học thuật.

2. Nội dung khai báo tiêu chuẩn: Bản khai báo phải thể hiện tối thiểu các thông tin sau

- a) Tên hệ thống/công cụ AI và phiên bản sử dụng;
- b) Mục đích và phạm vi sử dụng cụ thể (hỗ trợ xây dựng cấu trúc, hỗ trợ viết mã nguồn, hỗ trợ tóm tắt tài liệu...);
- c) Mô tả phần AI tham gia; yêu cầu giải trình thêm;
- d) Các biện pháp đã thực hiện để kiểm chứng, hiệu chỉnh và phản biện lại kết quả do AI tạo ra.

3. Yêu cầu về minh chứng quá trình (nhật ký câu lệnh)

- a) Người học có nghĩa vụ duy trì và nộp kèm nhật ký câu lệnh hoặc đường dẫn trích xuất lịch sử tương tác để giảng viên có thể truy xuất quá trình tư duy;
- b) Nhật ký câu lệnh phải thể hiện được chuỗi logic từ câu lệnh đầu vào đến kết quả phản hồi và các bước điều chỉnh thực tế của cá nhân để tối ưu hóa kết quả;
- c) Việc không cung cấp được nhật ký câu lệnh khi có yêu cầu xác minh được xem là căn cứ để giảng viên từ chối công nhận tính nguyên gốc của bài làm;
- d) Thời hạn lưu trữ tối thiểu: Nhật ký câu lệnh và các minh chứng quá trình phải được người học lưu giữ cùng thời hạn theo quy định của bài thi, đánh giá, khoá luận, luận văn, luận án; đối với các sản phẩm nghiên cứu khoa học thời hạn lưu trữ theo quy

định của sản phẩm nghiên cứu khoa học.

4. Cơ chế "Vùng an toàn" trong khai báo: Trường khuyến khích tinh thần tự giác và trung thực. Trường hợp người học chủ động khai báo việc sử dụng AI vượt quá mức quy định hoặc thừa nhận sai sót trong khai báo trước khi bị giảng viên phát hiện sẽ được xem xét giáo dục và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ mức độ xử lý.

5. Hệ quả của việc vi phạm: Việc không thực hiện khai báo hoặc khai báo sai lệch, che giấu vai trò của AI nhằm gian lận học thuật sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định tại Chương V.

CHƯƠNG II

SỬ DỤNG AI TRONG ĐÀO TẠO, KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ

Điều 8. Đổi mới phương pháp dạy học và phát triển năng lực AI

1. Chiến lược đổi mới: Trường khuyến khích sử dụng AI để nâng cao hiệu quả dạy và học, nghiên cứu khoa học và chuyển giao tri thức đồng thời bảo đảm không làm sai lệch việc đánh giá năng lực thực chất của người học. Việc khuyến khích sử dụng AI không thay thế yêu cầu về thiết kế đánh giá đảm bảo tính xác thực năng lực.

2. Khung năng lực AI cốt lõi: Trường tập trung phát triển 05 nhóm năng lực số trọng tâm cho cả người học và giảng viên, các năng lực này phải được tích hợp vào chuẩn đầu ra học phần (CLO) và tiêu chí đánh giá (rubrics) tương ứng và sản phẩm học thuật. Các năng lực liên quan đến AI phải được thể hiện trong ma trận đo lường chuẩn đầu ra để bảo đảm khả năng đo lường

a) Tư duy phản biện: Khả năng đánh giá, phân tích sâu và phản biện lại các nội dung do AI tạo sinh để tránh lỗi ảo giác;

b) Kỹ thuật tương tác: Năng lực thiết kế và tối ưu hóa các câu lệnh đầu vào để khai thác AI chính xác theo mục tiêu học thuật;

c) Kiểm chứng và xác thực: Kỹ năng đối chiếu đa nguồn và đánh giá độ tin cậy của thông tin trước khi đưa vào sản phẩm học thuật;

d) Nhận diện rủi ro: Khả năng nhận diện giới hạn của thuật toán, thiên kiến (bias) và các rủi ro về bảo mật dữ liệu;

đ) Đạo đức công nghệ: Ý thức trách nhiệm và sự tuân thủ các chuẩn mực liên chính khi sử dụng các công cụ hỗ trợ;

e) Quản trị rủi ro: Sử dụng AI an toàn, tuân thủ bảo mật dữ liệu theo quy định pháp luật.

3. Thích ứng hoạt động đánh giá: Các đơn vị đào tạo có trách nhiệm rà soát và điều chỉnh phương pháp đánh giá để bảo đảm cân bằng giữa khuyến khích thử nghiệm công nghệ và kiểm soát rủi ro gian lận. Ưu tiên các bài đánh giá yêu cầu trải nghiệm thực tế, phân tích dữ liệu đặc thù địa phương hoặc dữ liệu lớp học mà AI không thể tự thực hiện hoàn chỉnh. Các học phần có sử dụng AI (Mức 2, 3) phải có ít nhất một thành phần đánh giá trực tiếp (vấn đáp, trình bày, thực hành) để xác minh năng lực thực chất.

4. Hỗ trợ và thúc đẩy

a) Trường ưu tiên đầu tư và hỗ trợ các dự án thử nghiệm AI trong phân tích dữ liệu học tập, tối ưu hóa quản trị và đổi mới giáo dục số;

b) Các Khoa/Viện tổ chức các buổi chia sẻ kinh nghiệm, tọa đàm, hội thảo định kỳ

ít nhất 1 lần/năm chia sẻ các tình huống thực tiễn về ứng dụng AI phù hợp với đặc thù từng ngành nghề đào tạo;

c) Trường xem xét cung cấp tài khoản AI tập trung cho giảng viên, nhằm đảm bảo nguyên tắc công bằng kỹ thuật số tại Điều 1. Viện Chuyển đổi số chịu trách nhiệm đề xuất phương án và lộ trình triển khai trình Hiệu trưởng phê duyệt.

5. Công bằng kỹ thuật số: Trong quá trình đổi mới, giảng viên cần chủ động tìm kiếm các giải pháp hỗ trợ người học tiếp cận các công cụ AI cần thiết, đảm bảo không tạo ra sự bất bình đẳng trong đánh giá giữa những người học có điều kiện tiếp cận công nghệ khác nhau.

Điều 9. Sử dụng AI trong giảng dạy và thiết kế đánh giá của giảng viên

1. Phạm vi áp dụng: Điều này điều chỉnh việc giảng viên, trợ giảng và cán bộ hướng dẫn sử dụng AI trong các hoạt động: soạn thảo đề thi và ngân hàng câu hỏi; xây dựng học liệu, bài giảng, rubrics đánh giá; hỗ trợ chấm điểm và phản hồi người học; thiết kế chương trình học phần. Không sử dụng trực tiếp nội dung do AI tạo ra làm học liệu chính mà không qua kiểm duyệt và hiệu chỉnh học thuật.

2. Nguyên tắc chung: Giảng viên được khuyến khích sử dụng AI để nâng cao chất lượng và hiệu quả giảng dạy và phải chịu trách nhiệm về độ chính xác, tính cập nhật và phù hợp của nội dung do AI hỗ trợ tạo ra với điều kiện

- a) Phán xét chuyên môn và quyết định cuối cùng luôn thuộc về giảng viên;
- b) Nội dung học liệu và đề thi do AI hỗ trợ tạo ra phải được giảng viên kiểm chứng và chịu trách nhiệm trước khi sử dụng chính thức;
- c) Không sử dụng AI để xử lý dữ liệu điểm số, hồ sơ cá nhân hoặc thông tin nhạy cảm của người học ngoài phạm vi cho phép theo quy định tại Điều 4 của Quy định này;
- d) Khai báo nội bộ nếu dùng AI nhóm 3 hoặc nhóm 4 trong đề thi/học liệu.

3. Minh bạch với người học: Trường hợp học liệu, đề bài hoặc tiêu chí đánh giá được xây dựng có sử dụng AI ở mức độ đáng kể, giảng viên phải thông báo cho người học trong đề cương học phần hoặc hướng dẫn nhiệm vụ.

4. Những điều giảng viên không được làm

- (a) Sử dụng AI Nhóm 4 để ra quyết định điểm số cuối kỳ mà không thực hiện hậu kiểm theo Điều 5;
- b) Đưa đề thi, ngân hàng câu hỏi hoặc dữ liệu người học lên các nền tảng AI công cộng theo Điều 4;
- c) Sử dụng AI để soạn đề thi theo hướng tạo lợi thế không công bằng cho một nhóm người học dựa trên khả năng tiếp cận công cụ AI;
- d) Không sử dụng AI để tự động chấm điểm hoặc đánh giá cuối cùng đối với các bài đánh giá mang tính quyết định nếu không có kiểm soát của giảng viên.

5. Khai báo nội bộ: Khi sử dụng AI Nhóm 3 hoặc Nhóm 4 trong thiết kế đề thi hoặc học liệu chính thức, giảng viên thực hiện khai báo nội bộ với Trường Bộ môn. Bộ môn/Khoa tổng hợp và báo cáo về Phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng định kỳ mỗi học kỳ theo mẫu khai báo nội bộ do Trường ban hành và lưu trữ tại Bộ môn/Khoa để phục vụ kiểm tra khi cần thiết.

6. Trách nhiệm của Bộ môn/Khoa/Viện: Rà soát thực hành sử dụng AI trong giảng dạy; hướng dẫn giảng viên về các thực hành tốt; giám sát việc không tạo ra bất bình

đăng trong thiết kế đánh giá.

7. Trách nhiệm thiết kế đánh giá thích ứng AI

- a) Giảng viên phải thiết kế đề bài hạn chế khả năng AI có thể hoàn thành toàn bộ nhiệm vụ;
- b) Ưu tiên các dạng bài yêu cầu dữ liệu thực tế, bối cảnh địa phương hoặc trải nghiệm cá nhân;
- c) Không sử dụng lại nguyên trạng câu hỏi đã công bố rộng rãi trên các nền tảng AI.

Điều 10. Xác định và công bố mức độ sử dụng AI cho học phần

1. Thẩm quyền xác định: Khoa/viện phụ trách học phần, chủ nhiệm đề tài hoặc người đứng đầu đơn vị chuyên môn có thẩm quyền quyết định mức độ sử dụng AI (từ Mức 0 đến Mức 3) cho từng nhiệm vụ học tập hoặc hoạt động đánh giá cụ thể. Việc xác định này phải bảo đảm tính thống nhất giữa các lớp học phần trong cùng một môn học để bảo đảm công bằng cho người học và chịu trách nhiệm giải trình khi có yêu cầu kiểm tra.

2. Căn cứ xác định mức độ: Việc lựa chọn mức độ sử dụng AI phải dựa trên các yếu tố cốt lõi sau

- a) Mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra của học phần (CLOs), đặc biệt là các kỹ năng yêu cầu sự độc lập tuyệt đối của người học;
- b) Bản chất của hoạt động đánh giá (thi tập trung, tiểu luận, đồ án hay thảo luận nhóm);
- c) Khả năng kiểm soát, xác minh và đo lường của giảng viên đối với các công cụ AI được cho phép sử dụng.

3. Quy trình và hình thức công bố bắt buộc: Mức độ sử dụng AI phải được thông báo minh bạch cho người học thông qua các kênh chính thức sau

a) Trong Đề cương chi tiết học phần: Phải có mục riêng quy định rõ mức độ AI áp dụng cho từng cột điểm đánh giá (Phụ lục 5) và được cập nhật trên hệ thống LMS trước khi bắt đầu học kỳ;

b) Trong Hướng dẫn nhiệm vụ: Khi giao bài tập hoặc tiểu luận, giảng viên phải nhắc lại mức độ AI, danh mục công cụ khuyến nghị/hạn chế và yêu cầu cụ thể về minh chứng kỹ thuật như nhật ký câu lệnh, bao gồm yêu cầu cụ thể về khai báo AI và minh chứng (nếu có);

c) Đề cương học phần phải thể hiện rõ yêu cầu về minh chứng quá trình (nếu áp dụng Mức 2 hoặc 3);

d) Thời điểm công bố: Thông tin phải được phổ biến cho người học ngay từ buổi học đầu tiên của học kỳ hoặc trước khi thực hiện nhiệm vụ đánh giá;

đ) Đối với học phần tổ chức kiểm tra, thi trực tuyến qua LMS hoặc nền tảng số: Giảng viên phải ghi rõ trong hướng dẫn nhiệm vụ các biện pháp kiểm soát kỹ thuật được áp dụng (khóa trình duyệt, thời gian làm bài, giám sát từ xa...) và hệ quả của việc vi phạm trong môi trường số. Viện Chuyển đổi số phối hợp hỗ trợ thiết lập kỹ thuật khi được yêu cầu.

4. Điều chỉnh mức độ sử dụng: Giảng viên có quyền điều chỉnh mức độ sử dụng AI trong quá trình triển khai nếu thấy cần thiết để bảo đảm chất lượng đánh giá, nhưng

phải thông báo bằng văn bản (qua hệ thống LMS hoặc email) cho người học ít nhất 01 tuần hoặc trước khi thực hiện nhiệm vụ mới.

5. Trách nhiệm giám sát: Trưởng Bộ môn và lãnh đạo Khoa/Viện đào tạo có trách nhiệm rà soát sự phù hợp của mức độ AI được đề xuất trong đề cương, bảo đảm không làm sai lệch việc đo lường các năng lực cốt lõi của chương trình đào tạo.

6. Kiểm soát nội bộ

- a) Khoa/Viện có trách nhiệm rà soát việc xác định mức độ AI trong học phần;
- b) Các học phần có mức AI không phù hợp phải được yêu cầu điều chỉnh trước khi triển khai.

Điều 11. Sử dụng AI trong học tập và đánh giá kết quả học tập

1. Nguyên tắc "Hỗ trợ không thay thế": Việc sử dụng AI trong học tập phải bảo đảm vai trò hỗ trợ, thúc đẩy quá trình tiếp nhận tri thức nhưng tuyệt đối không được thay thế tư duy độc lập, phân tích logic và sáng tạo cá nhân của người học. Người học chịu trách nhiệm toàn bộ nội dung bài làm, kể cả khi có sử dụng AI.

2. Phạm vi các hoạt động được phép hỗ trợ (Khi không thuộc Mức 0): Việc sử dụng AI phải phù hợp với mức độ đã được công bố của học phần

- a) Hỗ trợ tìm kiếm, tổng hợp và hệ thống hóa tài liệu tham khảo theo chủ đề;
- b) Gợi ý ý tưởng, cấu trúc bài viết hoặc các hướng tiếp cận vấn đề học thuật;
- c) Hỗ trợ kỹ thuật: kiểm tra chính tả, ngữ pháp, định dạng văn bản hoặc hỗ trợ lập trình và mô phỏng kỹ thuật sơ bộ.

3. Các hành vi bị nghiêm cấm trong đánh giá kết quả học tập

- a) Sử dụng AI ở mức độ bị cấm (Mức 0) hoặc vượt quá phạm vi được giảng viên quy định cho học phần;
- b) Nộp sản phẩm được tạo sinh hoàn toàn hoặc chủ yếu bởi AI nhưng trình bày như bài làm cá nhân (đạo văn AI);
- c) Sử dụng AI để tạo lập dữ liệu giả, kết quả thí nghiệm giả hoặc các tài liệu tham khảo không tồn tại (lỗi ảo giác);
- d) Dùng AI "làm sạch" văn phong để che giấu hành vi sao chép nội dung từ các nguồn khác;
- đ) Sử dụng kỹ thuật AI nhằm vượt qua các cơ chế giám sát thi, đánh giá hoặc can thiệp vào kết quả đánh giá;
- e) Sử dụng AI để tạo nội dung nhằm dối phỏ hoặc qua mặt hệ thống kiểm tra, đánh giá của giảng viên;
- f) Sử dụng AI để tạo hoặc chỉnh sửa dữ liệu, kết quả phân tích nhằm làm sai lệch bản chất học thuật của bài làm.

4. Sử dụng AI trong kiểm tra, thi và đánh giá quá trình

- a) Đối với đánh giá trực tiếp (Mức 0): Nghiêm cấm hoàn toàn việc sử dụng AI trong các bài thi viết tập trung tại lớp, thi vấn đáp trực tiếp hoặc các bài kiểm tra đo lường phản xạ tức thời;
- b) Đối với đánh giá quá trình: Khi cho phép sử dụng AI, giảng viên phải thiết kế đề bài cá nhân hóa, gắn với bối cảnh thực tiễn hoặc dữ liệu đặc thù để hạn chế việc AI có thể thực hiện thay hoàn toàn nhiệm vụ và yêu cầu người học giải trình hoặc trình bày

trực tiếp khi cần thiết;

c) Giám sát của con người: Trường hợp sử dụng AI hỗ trợ chấm điểm (Nhóm 4), kết quả chỉ có giá trị tham khảo; giảng viên phải thực hiện hậu kiểm và ký xác nhận điểm số cuối cùng.

5. Nghĩa vụ minh chứng và giải trình

a) Người học có trách nhiệm lưu trữ minh chứng quá trình (Bản thảo thô, nhật ký câu lệnh) trong suốt quá trình thực hiện nhiệm vụ;

b) Giảng viên có quyền yêu cầu người học giải trình quy trình làm bài, bảo vệ lập luận trực tiếp hoặc thực hiện lại một phần nhiệm vụ để xác minh năng lực thực chất;

c) Việc không cung cấp được minh chứng quá trình khi có yêu cầu hợp lý là căn cứ để xem xét không công nhận kết quả. Thời hạn lưu trữ nhật ký câu lệnh thực hiện theo Điều 7.

d) Đối với đánh giá trực tuyến qua LMS hoặc nền tảng số: Người học phải tuân thủ toàn bộ quy định kỹ thuật do giảng viên và đơn vị phụ trách công nghệ thiết lập (thời gian làm bài, hạn chế truy cập, yêu cầu camera...). Mức độ AI áp dụng cho bài thi/kiểm tra trực tuyến phải được giảng viên công bố trước cùng với thông báo về các biện pháp kiểm soát kỹ thuật theo Điều 9;

đ) Trường hợp có nghi ngờ hợp lý, người học phải tham gia xác minh trực tiếp theo yêu cầu của giảng viên, Khoa/Viện.

Điều 12. Sử dụng AI trong tiểu luận, báo cáo thực hành nghề nghiệp, báo cáo thực tập và khóa luận tốt nghiệp

1. Nguyên tắc thực thi chung: Việc sử dụng AI trong các hình thức đánh giá này thực hiện theo các nguyên tắc tại Điều 1 và Điều 3, mức độ sử dụng được xác định theo Điều 6 và nghĩa vụ khai báo thực hiện theo Điều 7. AI chỉ được phép tham gia với vai trò công cụ hỗ trợ, không thay thế quá trình tư duy và đóng góp thực chất của người học.

2. Phạm vi hỗ trợ kỹ thuật được phép: Trong quá trình thực hiện tiểu luận, báo cáo hoặc khóa luận tốt nghiệp, người học có thể khai thác AI để hỗ trợ các công đoạn sau (trừ trường hợp giảng viên có quy định hạn chế cụ thể)

a) Hỗ trợ tìm kiếm, tổng hợp và hệ thống hóa thông tin từ đa nguồn;

b) Gợi ý cấu trúc nội dung, khung dàn ý hoặc các hướng tiếp cận vấn đề nghiên cứu;

c) Hỗ trợ xử lý kỹ thuật dữ liệu, lập trình sơ bộ hoặc trực quan hóa thông tin;

d) Hiệu chỉnh ngôn ngữ, kiểm tra lỗi chính tả, ngữ pháp và hoàn thiện định dạng theo quy chuẩn.

3. Yêu cầu về đóng góp trí tuệ thực chất: Người học phải trực tiếp tham gia và làm chủ toàn bộ quá trình thực hiện sản phẩm. Sản phẩm cuối cùng phải thể hiện được năng lực tư duy độc lập thông qua việc phân tích, tổng hợp và đưa ra các lập luận cá nhân dựa trên kết quả đã được con người kiểm chứng và hiệu chỉnh có thể được xác minh thông qua vấn đáp hoặc kiểm tra bổ sung và không được sao chép nguyên trạng nội dung do AI tạo ra mà không có chỉnh sửa, phân tích hoặc đánh giá lại.

4. Nghĩa vụ minh chứng và hồ sơ bắt buộc

a) Khi sử dụng AI ở Mức 2 và Mức 3, bài nộp bắt buộc phải đính kèm Phụ lục khai báo (Mẫu 1) và nhật ký câu lệnh ghi lại các tương tác quan trọng theo mẫu do Trường

ban hành và nộp cùng bài làm trên hệ thống quy định;

b) Người học phải mô tả cụ thể cách thức cá nhân đã phản biện, đối soát nguồn tin để loại bỏ các lỗi "ảo giác" (hallucination) của AI trước khi đưa vào bài làm. Thời hạn lưu trữ minh chứng thực hiện theo Điều 7;

c) Minh chứng quá trình có thể được yêu cầu nộp dưới dạng phụ lục hoặc file đính kèm.

5. Cơ chế xác minh năng lực thực chất: Để đảm bảo liên chính học thuật, giảng viên và hội đồng đánh giá có quyền áp dụng các biện pháp

a) Yêu cầu trình bày, vấn đáp hoặc giải thích trực tiếp về nội dung bài làm;

b) Yêu cầu cung cấp các bản thảo thô hoặc lịch sử chỉnh sửa tài liệu để đối soát tiến độ thực hiện.

6. Xử lý sai phạm: Mọi hành vi nộp sản phẩm được tạo sinh hoàn toàn hoặc phần cốt lõi bởi AI nhưng trình bày như bài làm cá nhân sẽ bị coi là gian lận học thuật nghiêm trọng và xử lý theo các quy định tại Chương V.

Điều 13. Sử dụng AI trong báo cáo chuyên đề, luận văn và luận án

1. Nguyên tắc liên chính chuyên sâu: Việc sử dụng AI trong các công trình sau đại học và sản phẩm bảo vệ trước hội đồng phải đảm bảo các nguyên tắc liên chính tại Điều 3 và Điều 4, chuẩn mực đóng góp khoa học thực chất và trách nhiệm giải trình cá nhân. AI không được ghi nhận là tác giả hoặc đồng tác giả dưới bất kỳ hình thức nào trong hồ sơ chính thức. Việc sử dụng AI trong báo cáo chuyên đề, luận văn và luận án phải được sự đồng ý của giảng viên hướng dẫn.

2. Phạm vi được phép hỗ trợ nghiên cứu: AI có thể được sử dụng như một trợ lý nghiên cứu trong các công đoạn

a) Hỗ trợ rà soát tài liệu: Gợi ý từ khóa, tìm kiếm tài liệu tham khảo và hệ thống hóa khung lý thuyết sơ bộ;

b) Hỗ trợ xử lý dữ liệu: Hỗ trợ lập trình, mô phỏng kỹ thuật, xử lý dữ liệu thô và trực quan hóa kết quả nghiên cứu;

c) Hỗ trợ trình bày: Chỉnh sửa ngữ pháp, diễn đạt ngôn ngữ học thuật và định dạng văn bản chuyên sâu;

d) Mọi nội dung hỗ trợ này phải được người nghiên cứu kiểm chứng, đánh giá lại độc lập và chịu trách nhiệm về tính chính xác khoa học.

3. Các hành vi nghiêm cấm tuyệt đối: Người thực hiện chuyên đề, luận văn, luận án không được dù dưới bất kỳ hình thức hỗ trợ nào của AI, bao gồm cả việc sử dụng AI để sinh dữ liệu, mô hình hoặc kết quả nghiên cứu không có kiểm chứng

a) Sử dụng AI để tạo lập toàn bộ hoặc phần cốt lõi của nội dung nghiên cứu (bao gồm: Mục tiêu, phương pháp, kết quả, thảo luận và kết luận) thay cho quá trình nghiên cứu độc lập;

b) Sử dụng AI để tạo lập dữ liệu giả, giả lập kết quả thực nghiệm hoặc chỉnh sửa dữ liệu làm sai lệch bản chất khoa học;

c) Sử dụng AI để tạo lập nguồn tài liệu tham khảo hoặc trích dẫn không tồn tại;

d) Cố ý che giấu hoặc khai báo sai lệch về mức độ tham gia của AI trong quy trình nghiên cứu.

4. Nghĩa vụ minh bạch hóa thông tin

a) Người thực hiện phải khai báo trung thực công cụ, mục đích và phạm vi hỗ trợ của AI trong phần "Phương pháp nghiên cứu", "Lời cam kết" hoặc Phụ lục riêng của công trình theo mẫu khai báo AI của Trường;

b) Trường khuyến khích cơ chế "Vùng an toàn": Người nghiên cứu có thể áp dụng cơ chế "Vùng an toàn" theo Điều 7 để chủ động báo cáo các sai sót hoặc lạm dụng AI quá mức trước khi bảo vệ, thay vì bị coi là vi phạm liêm chính.

5. Trách nhiệm của Người hướng dẫn và Hội đồng đánh giá

a) Người hướng dẫn: Có quyền yêu cầu người học cung cấp nhật ký câu lệnh và nhật ký nghiên cứu để kiểm soát tiến độ và tính nguyên gốc của công trình và có quyền yêu cầu đánh giá lại một phần nội dung nếu cần thiết;

b) Hội đồng đánh giá: Có quyền yêu cầu giải trình chuyên sâu về các phần nghi vấn sử dụng AI; thực hiện vấn đáp trực tiếp hoặc yêu cầu phân tích bổ sung để xác minh năng lực thực chất;

c) Hội đồng có thể xem xét các minh chứng vật chất như bản thảo, dữ liệu thô để xác minh tính độc lập của nghiên cứu;

d) Thời hạn lưu trữ: Người hướng dẫn và người thực hiện phối hợp đảm bảo toàn bộ nhật ký câu lệnh, nhật ký nghiên cứu và dữ liệu quá trình được lưu trữ theo thời hạn quy định tại Điều 7.

6. An toàn dữ liệu nghiên cứu: Tuyệt đối không tải các dữ liệu nghiên cứu chưa công bố, dữ liệu mật của cơ quan thực tập hoặc dữ liệu cá nhân nhạy cảm lên các hệ thống AI công cộng khi chưa được phép của Trường. Tác giả chịu trách nhiệm hoàn toàn về các rủi ro xâm phạm sở hữu trí tuệ của bên thứ ba phát sinh từ việc sử dụng các công cụ AI tạo sinh.

7. Xác minh trước bảo vệ

a) Giảng viên hướng dẫn có trách nhiệm rà soát việc sử dụng AI trước khi cho phép bảo vệ;

b) Trường hợp cần thiết, Hội đồng có thể yêu cầu kiểm tra bổ sung trước hoặc trong buổi bảo vệ.

Điều 14. Đảm bảo tính hợp lệ của đánh giá và đo chuẩn đầu ra

1. Nguyên tắc cốt lõi: Việc tổ chức đánh giá trong tất cả các hình thức học thuật phải bảo đảm tính hợp lệ, độ tin cậy và khả năng đo lường chính xác các chuẩn đầu ra (CLOs/PLOs). AI tham gia theo mức độ đã quy định tại Điều 6, không làm sai lệch các năng lực cốt lõi cần đo lường. Các nguyên tắc chung về liêm chính và kiểm soát thực hiện theo Điều 1, Điều 3 và Điều 5.

2. Thiết kế đánh giá thích ứng

a) Khoa/viện quản lý học phần phải xác định rõ mức độ cho phép sử dụng AI, phạm vi nội dung và tiêu chí đánh giá gắn với việc sử dụng công nghệ của học phần mình quản lý;

b) Hình thức đánh giá phải chú trọng vào việc kiểm chứng khả năng làm chủ kiến thức thực chất của con người thay vì các kết quả văn bản "trơn tru" do AI tạo ra;

c) Ưu tiên các phương pháp đánh giá kết hợp: đánh giá quá trình thông qua các mốc tiến độ; đánh giá sản phẩm đi kèm với thuyết trình, vấn đáp hoặc thực hành trực tiếp;

d) Tiêu chí đánh giá (Rubrics) cần chú trọng vào khả năng phân tích, kiểm chứng, hiệu chỉnh nội dung do AI gợi ý và khả năng vận dụng kiến thức để giải quyết vấn đề thực tiễn và phải có tiêu chí đánh giá riêng đối với việc sử dụng AI (nếu áp dụng);

e) Không thiết kế bài đánh giá mà AI có thể hoàn thành toàn bộ mà không cần đóng góp đáng kể của người học.

3. Bảo đảm tính xác thực của kết quả học tập

a) Cơ chế minh chứng bắt buộc: Đối với các sản phẩm quan trọng, giảng viên có quyền yêu cầu người học cung cấp bản nháp, nhật ký thực hiện hoặc nhật ký câu lệnh để xác minh đóng góp trí tuệ thực chất, phù hợp với mức độ AI của học phần;

b) Quyền vấn đáp xác minh: Trong trường hợp có nghi vấn về tính trung thực, giảng viên có quyền tổ chức vấn đáp trực tiếp yêu cầu người học giải thích quy trình thực hiện, logic bài làm và các lập luận chuyên môn và phù hợp với hình thức đánh giá (trực tiếp, trực tuyến, kết hợp);

4. Xác minh bổ sung

a) Giảng viên có quyền yêu cầu người học trình bày, giải thích hoặc làm lại một phần bài đánh giá;

b) Kết quả xác minh là một phần căn cứ đánh giá cuối cùng.

5. Sử dụng công cụ hỗ trợ phát hiện AI: Các công cụ phát hiện AI chỉ được sử dụng để hỗ trợ sàng lọc, không được sử dụng làm căn cứ duy nhất để kết luận vi phạm. Nguyên tắc xử lý, tiêu chuẩn chứng cứ và quy trình xác minh vi phạm thực hiện theo Điều 18 và Điều 19.

6. Trách nhiệm của đơn vị đào tạo (Khoa/Viện)

a) Rà soát phương thức đánh giá định kỳ để đảm bảo thích ứng với sự phát triển của công nghệ và giảm thiểu rủi ro gian lận học thuật;

b) Đề xuất chuyển đổi các hình thức đánh giá dễ bị thay thế hoàn toàn bởi AI sang các hình thức yêu cầu trải nghiệm thực tế hoặc phân tích dữ liệu đặc thù.

7. Bảo đảm công bằng kỹ thuật số: Giảng viên cần cân nhắc sự khác biệt về khả năng tiếp cận các công cụ AI cao cấp (bản trả phí) để thiết kế tiêu chí chấm điểm công bằng, tập trung vào năng lực tư duy hơn là sự vượt trội về kỹ thuật do công nghệ mang lại.

8. Kiểm tra và rà soát định kỳ

a) Khoa/Viện phải rà soát việc áp dụng quy định AI trong học phần tối thiểu mỗi năm một lần;

b) Các học phần không đáp ứng yêu cầu về công bố và kiểm soát AI phải được điều chỉnh trước khi triển khai lại.

9. Lưu trữ và truy xuất

a) Các minh chứng liên quan đến sử dụng AI phải được lưu trữ theo quy định;

b) Phải đảm bảo khả năng truy xuất khi phục vụ kiểm tra, thanh tra hoặc kiểm định.

CHƯƠNG III

SỬ DỤNG AI TRONG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ CÔNG BỐ

Điều 15. Ứng dụng AI trong hoạt động nghiên cứu khoa học

1. Phạm vi áp dụng: Điều này điều chỉnh hoạt động sử dụng AI trong các đề tài nghiên cứu khoa học các cấp, nhiệm vụ khoa học công nghệ, dự án hợp tác nghiên cứu, bài báo khoa học và các sản phẩm đăng ký sở hữu trí tuệ do Trường quản lý.

2. Các lĩnh vực được phép hỗ trợ: AI được khuyến khích sử dụng như một công cụ hỗ trợ hiệu quả trong các công đoạn dưới đây nhưng không được thay thế vai trò của nhà nghiên cứu trong việc hình thành giả thuyết, phương pháp và kết luận.

a) Giai đoạn chuẩn bị: Gợi ý từ khóa, tìm kiếm, tóm tắt và hệ thống hóa tài liệu tham khảo, xây dựng khung lý thuyết sơ bộ;

b) Giai đoạn thực hiện: Hỗ trợ lập trình, xử lý dữ liệu thô, mô phỏng kỹ thuật, trực quan hóa dữ liệu và xây dựng các mô hình dự báo khi nhà nghiên cứu có khả năng kiểm chứng kết quả;

c) Giai đoạn hoàn thiện: Hiệu chỉnh ngôn ngữ học thuật, kiểm tra định dạng và rà soát lỗi trích dẫn;

d) Gợi ý phương pháp: AI hỗ trợ dàn ý phương pháp sơ bộ, nhưng nhà nghiên cứu phải kiểm chứng tính khả thi thực tế;

3. Các hành vi nghiêm cấm trong nghiên cứu: Để đảm bảo tính trung thực khoa học, tuyệt đối cấm các hành vi sau

a) Sử dụng AI để tạo lập, chỉnh sửa hoặc giả lập dữ liệu nghiên cứu, kết quả nghiên cứu hoặc trích dẫn không có thật (lỗi ảo giác);

b) Thao túng kết quả phân tích bằng AI để đạt được các kết luận định kiến hoặc mục đích cá nhân;

c) Tự động sinh nội dung học thuật mà không có sự kiểm chứng độc lập hoặc đối chiếu với bằng chứng khoa học thực tế.

4. Trách nhiệm của Chủ nhiệm đề tài và Nhóm nghiên cứu

a) Phải mô tả minh bạch phạm vi và phương pháp sử dụng AI trong thuyết minh đề tài, báo cáo tổng kết hoặc phần phương pháp nghiên cứu nếu AI đóng vai trò quan trọng trong việc xử lý kết quả;

b) Lưu trữ minh chứng: Có nghĩa vụ duy trì nhật ký câu lệnh hoặc nhật ký nghiên cứu liên quan đến tương tác AI để phục vụ công tác hậu kiểm, nghiệm thu hoặc thanh tra học thuật. Thời hạn lưu trữ tối thiểu thực hiện theo Điều 7;

c) Chịu trách nhiệm toàn diện về tính chính xác, tin cậy của thông tin và bảo đảm tính hợp pháp của nguồn dữ liệu đầu vào khi sử dụng AI;

5. Sở hữu trí tuệ và quyền tác giả: Việc sử dụng AI không làm thay đổi nguyên tắc xác lập quyền tác giả. Quyền sở hữu trí tuệ đối với các sản phẩm có sự hỗ trợ của AI được thực hiện theo pháp luật và quy định nội bộ của Trường.

6. Trách nhiệm của đơn vị quản lý nghiên cứu (Phòng Quản lý khoa học): Phòng Quản lý khoa học thực hiện các trách nhiệm hướng dẫn, giám sát và phối hợp xử lý vi phạm liên quan đến sử dụng AI trong nghiên cứu theo quy định tại Điều 17.

Điều 16. Trách nhiệm tác giả và nghĩa vụ khai báo công bố học thuật

1. Nguyên tắc "Tác giả là con người": Trí tuệ nhân tạo không được ghi nhận là tác giả, đồng tác giả hoặc bất kỳ chủ thể học thuật nào trong các hồ sơ công bố, theo nguyên tắc tại Điều 4. Mọi trách nhiệm học thuật, pháp lý và đạo đức đối với nội dung công bố hoàn toàn thuộc về tác giả là con người, kể cả trong trường hợp có sự hỗ trợ của AI.

2. Nghĩa vụ kiểm chứng và hiệu chỉnh chuyên sâu

a) Tác giả phải trực tiếp kiểm tra, đánh giá và chịu trách nhiệm về tính chính xác của mọi thông tin, dữ liệu, lập luận và nguồn trích dẫn do AI gợi ý;

b) Đặc biệt lưu ý việc kiểm chứng để loại bỏ các lỗi ảo giác như các nguồn tài liệu hoặc trích dẫn không tồn tại trên thực tế;

c) Việc sử dụng AI để biên tập ngôn ngữ hoặc hiệu chỉnh văn phong không được làm sai lệch bản chất đóng góp trí tuệ thực chất và tính nguyên gốc của công trình;

d) Cá nhân sử dụng AI chịu trách nhiệm đối với mọi rủi ro vi phạm bản quyền phát sinh từ việc sử dụng AI.

3. Tiêu chuẩn khai báo sử dụng AI

a) Đối tượng bắt buộc: Phải thực hiện khai báo khi AI tham gia ở mức độ đáng kể theo định nghĩa tại Điều 2 vào quá trình xử lý dữ liệu, xây dựng cấu trúc lập luận hoặc tạo lập các phần nội dung nghiên cứu;

b) Nội dung khai báo: Phải thể hiện chi tiết tên hệ thống/công cụ AI (bao gồm phiên bản); mục đích sử dụng cụ thể trong từng giai đoạn nghiên cứu; phạm vi nội dung có sự hỗ trợ và phương pháp tác giả đã sử dụng để kiểm chứng lại kết quả, khai báo theo mẫu khai báo AI của Trường và phù hợp với yêu cầu của tạp chí/đơn vị tài trợ (nếu có).

4. Vị trí và hình thức công bố: Nội dung khai báo phải được trình bày tại một trong các vị trí phù hợp sau: Phần phương pháp nghiên cứu; Phần lời cảm ơn hoặc ghi chú tác giả; Phụ lục của công trình hoặc mục khai báo AI theo yêu cầu cụ thể của đơn vị xuất bản.

5. Tuân thủ quy định của bên thứ ba: Khi công bố trên các tạp chí hoặc nhà xuất bản bên ngoài, tác giả phải tuân thủ nghiêm ngặt chính sách AI của đơn vị đó. Trong trường hợp quy định của nhà xuất bản khắt khe hơn quy định của Trường, tác giả có nghĩa vụ tuân thủ theo tiêu chuẩn cao hơn.

6. Bảo vệ dữ liệu và an ninh nghiên cứu: Nghĩa vụ bảo mật dữ liệu và an ninh thông tin trong công bố khoa học thực hiện theo quy định tại Điều 4. Tác giả chịu trách nhiệm toàn diện về mọi rủi ro xâm phạm sở hữu trí tuệ phát sinh từ việc sử dụng AI tạo sinh trong quá trình nghiên cứu và công bố.

Điều 17. Trách nhiệm của đơn vị quản lý nghiên cứu

1. Đơn vị đầu mối: Phòng Quản lý khoa học là đơn vị đầu mối điều phối và giám sát việc sử dụng AI trong toàn bộ hoạt động nghiên cứu khoa học của Trường, phối hợp với các Khoa, Viện, Trung tâm trong từng lĩnh vực chuyên ngành.

2. Ban hành hướng dẫn chuyên môn

a) Xây dựng và phổ biến hướng dẫn cụ thể về chuẩn mực trích dẫn AI và đạo đức nghiên cứu trong từng lĩnh vực, phù hợp với tiêu chuẩn của các tạp chí và nhà xuất bản khoa học quốc tế;

b) Định kỳ cập nhật và công bố danh mục công cụ AI chuyên ngành được khuyến

ngiht sử dụng trong nghiên cứu, đảm bảo thống nhất với Phụ lục X do Viện Chuyển đổi số quản lý.

3. Giám sát trong chu trình đề tài

a) Giai đoạn xét duyệt: Rà soát tính phù hợp của phương án ứng dụng AI trong thuyết minh đề tài; đánh giá rủi ro bảo mật dữ liệu và sở hữu trí tuệ; xác nhận chủ nhiệm đề tài đã hiểu rõ nghĩa vụ khai báo theo Điều 15 và Điều 16;

b) Giai đoạn nghiệm thu: Kiểm tra việc thực hiện nghĩa vụ khai báo AI trong báo cáo tổng kết; có quyền yêu cầu cung cấp nhật ký câu lệnh khi phát hiện dấu hiệu bất thường; xem xét thời hạn lưu trữ minh chứng theo Điều 7.

4. Hỗ trợ và nâng cao năng lực nghiên cứu

a) Phối hợp với Viện Chuyển đổi số tổ chức các chương trình tập huấn về sử dụng AI trong nghiên cứu, nhận diện rủi ro thuật toán và chuẩn mực đạo đức khoa học;

b) Tham mưu cho Hiệu trưởng về việc trang bị công cụ AI chuyên dụng bảo mật phục vụ nghiên cứu (bao gồm xem xét tài khoản AI tập trung theo Điều 2 dành riêng cho nhà nghiên cứu);

c) Xây dựng và duy trì kho mẫu khai báo AI chuẩn cho từng loại sản phẩm nghiên cứu (bài báo, đề tài cấp Trường, đề tài cấp Bộ...) để hỗ trợ nhà nghiên cứu thực hiện đúng nghĩa vụ theo Điều 16.

5. Phối hợp xác minh và xử lý vi phạm

a) Tiếp nhận thông tin và phối hợp với Hội đồng đạo đức hoặc Hội đồng khoa học để xác minh các hành vi vi phạm liên chính khoa học liên quan đến AI;

b) Đảm bảo quy trình xác minh khách quan, dựa trên thẩm định chuyên môn và tôn trọng quyền giải trình của nhà nghiên cứu theo nguyên tắc tại Điều 17;

c) Lưu trữ hồ sơ xử lý vi phạm và báo cáo tổng hợp định kỳ cho Hội đồng đạo đức, liên chính học thuật theo Điều 24.

6. Rà soát và cải tiến chính sách: Hằng năm, đánh giá tác động của AI đối với chất lượng và liên chính của hoạt động khoa học tại Trường; tham mưu cho Hiệu trưởng điều chỉnh quy định và danh mục công cụ AI kịp thời theo sự phát triển của công nghệ.

CHƯƠNG IV KIỂM TRA, XÁC MINH VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 18. Cơ chế xác minh, tiêu chuẩn chứng cứ và giải trình

1. Căn cứ kích hoạt quy trình xác minh: Khi có căn cứ hợp lý dựa trên các dấu hiệu bất thường về văn phong, dữ liệu thực nghiệm hoặc kết quả đánh giá cho thấy sản phẩm học thuật có dấu hiệu sử dụng AI vượt quá mức cho phép hoặc không thực hiện khai báo, giảng viên hoặc đơn vị có thẩm quyền có quyền áp dụng cơ chế xác minh chuyên sâu. Các dấu hiệu nghi vấn (Red Flags) bao gồm sự bất nhất về văn phong, các lỗi trích dẫn giả hoặc nội dung quá chung chung, không bám sát bối cảnh thực tế của đề bài.

2. Các biện pháp xác minh trực tiếp

a) Giải trình quy trình: Yêu cầu người nộp giải thích chi tiết nội dung, phương pháp xây dựng bài làm và cách thức xử lý dữ liệu;

b) Đối soát minh chứng kỹ thuật: Kiểm tra nhật ký câu lệnh, đường dẫn lịch sử trò chuyện hoặc các bản nháp và dữ liệu quá trình để chứng minh quá trình tư duy độc lập;

c) Vấn đáp xác minh: Tổ chức buổi trao đổi hoặc phỏng vấn ngắn để đánh giá mức độ hiểu biết và khả năng trình bày trực tiếp của người học về sản phẩm;

d) Thực hiện lại nhiệm vụ: Trong trường hợp cần thiết, yêu cầu người học thực hiện lại một phần nội dung trong điều kiện kiểm soát phù hợp để đối soát năng lực thực tế.

3. Tiêu chuẩn chứng cứ và nguyên tắc đánh giá

a) Nguyên tắc con người quyết định: Kết quả từ phần mềm phát hiện AI chỉ mang tính tham khảo và sàng lọc rủi ro. Tuyệt đối không được sử dụng kết quả từ phần mềm phát hiện AI làm căn cứ duy nhất để kết luận vi phạm dưới bất kỳ hình thức nào. Nguyên tắc này áp dụng xuyên suốt toàn bộ quy trình xác minh, tại mọi cấp độ từ giảng viên đến hội đồng. Mọi điều khoản khác trong Quy định này dẫn chiếu về nguyên tắc này khi đề cập đến sử dụng công cụ phát hiện AI;

b) Hồ sơ minh chứng tổng hợp: Việc kết luận vi phạm phải dựa trên sự kết hợp giữa phân tích chuyên môn, so sánh năng lực thực tế của người học và các biên bản mâu thuẫn trong quá trình giải trình;

c) Loại trừ nhận định cảm tính: Không được kết luận vi phạm chỉ dựa trên nhận định rằng văn phong "giống AI" hoặc tỷ lệ phần trăm từ máy mà không chỉ ra được lỗi học thuật cụ thể và có sự giải trình không thỏa đáng từ người học.

4. Quyền của người bị xem xét và cơ chế giải trình

a) Người bị nghi vấn phải được thông báo bằng văn bản về nội dung nghi vấn và các căn cứ xác minh trước khi đưa ra kết luận chính thức;

b) Người học có ít nhất 03 ngày làm việc để chuẩn bị tài liệu, cung cấp minh chứng bổ sung và thực hiện quyền giải trình;

c) Trong quá trình giải trình, người học có quyền nhờ Cố vấn học tập hỗ trợ và có quyền khiếu nại nếu cho rằng việc đánh giá dựa trên công cụ phát hiện tự động là không chính xác.

Điều 19. Xác định hành vi vi phạm và tiêu chuẩn đánh giá

1. Nguyên tắc xác định hành vi vi phạm: Hành vi vi phạm là việc sử dụng hoặc lợi dụng AI làm sai lệch kết quả học tập, nghiên cứu; vi phạm các chuẩn mực về liêm chính học thuật, minh bạch và trách nhiệm cá nhân. Vi phạm chỉ được xác lập khi: có bằng chứng trực tiếp, người học không giải trình thỏa đáng được quy trình làm bài, hoặc cá nhân tự nguyện thừa nhận. Việc xác lập vi phạm không được dựa trên phần mềm phát hiện AI là căn cứ duy nhất, theo nguyên tắc tại Điều 18.

2. Hành vi vi phạm về minh bạch và khai báo

a) Không thực hiện khai báo hoặc khai báo không trung thực về tên công cụ, phiên bản, mục đích và phạm vi sử dụng AI trong các sản phẩm thuộc Mức 2 và Mức 3;

b) Cố ý che giấu, trình bày sai lệch vai trò của AI nhằm tạo ấn tượng về năng lực cá nhân cao hơn thực tế;

c) Cố ý không cung cấp hoặc chỉnh sửa nhật ký câu lệnh khi được yêu cầu để giải trình cho các phần nội dung có nghi vấn.

3. Hành vi vi phạm trong đào tạo và đánh giá

a) Sử dụng AI trong các hình thức bị nghiêm cấm hoàn toàn (Mức 0) như thi viết tập trung hoặc thi vấn đáp trực tiếp;

b) Nộp sản phẩm được tạo sinh hoàn toàn hoặc chủ yếu bởi AI nhưng trình bày như là kết quả làm việc cá nhân (đạo văn AI);

c) Sử dụng AI để làm sạch văn phong nhằm che giấu hành vi sao chép nội dung từ các nguồn khác;

d) Sử dụng AI thực hiện bài làm thay cho người khác hoặc thuê người khác sử dụng AI để làm bài hộ.

4. Hành vi vi phạm trong nghiên cứu khoa học và công bố

a) Sử dụng AI để tạo lập dữ liệu giả, giả lập kết quả thực nghiệm hoặc thao túng số liệu nghiên cứu;

b) Sử dụng AI để tạo lập các nguồn tài liệu tham khảo, trích dẫn hoặc bằng chứng học thuật không tồn tại (lỗi ảo giác cố ý);

c) Công bố nội dung khoa học do AI tạo ra mà không qua kiểm chứng độc lập, làm sai lệch bản chất đóng góp của công trình.

5. Hành vi vi phạm liên quan đến dữ liệu và bảo mật

a) Đưa dữ liệu thuộc danh mục mật của Trường, đề thi chưa công bố hoặc dữ liệu cá nhân nhạy cảm lên các hệ thống AI công cộng khi chưa được phép;

b) Sử dụng AI xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của tổ chức, cá nhân khác hoặc làm suy giảm an ninh mạng của Trường.

6. Hành vi né tránh kiểm soát kỹ thuật: Sử dụng các kỹ thuật AI nhằm qua mặt hệ thống phát hiện gian lận, phần mềm kiểm tra hoặc các cơ chế giám sát thi cử (proctoring) của Trường.

7. Xử lý khi chưa đủ căn cứ: Trường hợp nghi vấn cao nhưng chưa đủ bằng chứng kết luận vi phạm, Trường không áp dụng kỷ luật nhưng có thể yêu cầu người học làm rõ minh chứng hoặc tổ chức đánh giá lại năng lực thông qua hình thức vấn đáp trực tiếp.

Điều 20. Phân loại mức độ vi phạm và hình thức xử lý

1. Nguyên tắc xử lý chung: Việc xử lý các hành vi vi phạm liên quan đến trí tuệ nhân tạo phải bảo đảm tính khách quan, công bằng và tương xứng với mức độ nghiêm trọng của hành vi cũng như hậu quả đối với liêm chính học thuật. Trường ưu tiên mục tiêu giáo dục, nhắc nhở đối với các sai sót do nhận thức và xử lý nghiêm khắc các hành vi gian lận có hệ thống.

2. Các tiêu chí xác định mức độ vi phạm: Hội đồng hoặc người có thẩm quyền căn cứ vào các yếu tố sau để xác định mức độ vi phạm

a) Tỷ lệ nội dung do AI tạo sinh chi phối trong sản phẩm học thuật so với mức độ đã công bố;

b) Việc tuân thủ nghĩa vụ khai báo và khả năng cung cấp nhật ký câu lệnh đầy đủ, hợp lệ;

c) Tính chất của hoạt động học thuật (bài tập, khóa luận tốt nghiệp, luận văn hay công bố quốc tế);

d) Yếu tố lỗi (vô ý do thiếu kỹ năng hay cố ý gian dối, thao túng dữ liệu);

đ) Thái độ hợp tác trong quá trình giải trình và tiền sử vi phạm liêm chính học thuật của cá nhân.

3. Vi phạm Mức độ 1: Vi phạm nhẹ (Nhắc nhở và cảnh cáo học thuật)

a) Hành vi: Sử dụng AI vượt mức cho phép nhưng chưa làm thay đổi bản chất của việc đánh giá năng lực; sai sót kỹ thuật vô ý trong quá trình khai báo; thiếu trích dẫn nguồn AI do chưa nắm vững quy định kỹ thuật;

b) Cơ chế vùng an toàn: Áp dụng theo quy định tại Điều 7. Trường hợp cá nhân chủ động khai báo trước khi bị phát hiện sẽ được xem xét miễn hoặc giảm nhẹ kỷ luật;

c) Hình thức xử lý: Nhắc nhở, phê bình công khai; yêu cầu chỉnh sửa, nộp lại khai báo hoặc thực hiện lại một phần nội dung bài làm.

4. Vi phạm Mức độ 2: Vi phạm trung bình (Điểm 0 bài đánh giá)

a) Hành vi: Sử dụng AI để tạo ra phần nội dung đáng kể trong bài làm khi không được phép; khai báo không trung thực hoặc cố ý che giấu mức độ hỗ trợ của công nghệ; không cung cấp được minh chứng quá trình phù hợp khi giảng viên có yêu cầu xác minh;

b) Hình thức xử lý: Cho điểm 0 (không đạt) đối với bài tiểu luận/đánh giá; ghi nhận vi phạm vào hồ sơ học vụ; yêu cầu tham gia bắt buộc khóa học về liêm chính học thuật.

5. Vi phạm Mức độ 3: Vi phạm nghiêm trọng (Xử lý kỷ luật theo quy chế)

a) Hành vi: Nộp sản phẩm học thuật tạo sinh hoàn toàn hoặc gần như toàn bộ bởi AI nhưng trình bày là bài làm cá nhân; cố ý tạo lập dữ liệu giả hoặc trích dẫn giả (ảo giác học thuật) để gian lận; thuê người khác sử dụng AI để làm bài hộ; tái phạm các hành vi đã bị xử lý ở mức độ trung bình;

b) Hình thức xử lý: Đối với bài tập, tiểu luận: Cho điểm 0 học phần; đình chỉ học tập có thời hạn; hoặc xem xét buộc thôi học tùy theo tính chất nghiêm trọng; Đối với báo cáo chuyên đề, khóa luận, luận văn, luận án: Hủy kết quả bảo vệ; yêu cầu thực hiện lại toàn bộ hoặc thu hồi bằng tốt nghiệp nếu vi phạm được phát hiện sau khi đã cấp bằng; Đối với công bố khoa học: Hủy bỏ kết quả nghiên cứu; thu hồi đề tài và kinh phí (nếu có); thông báo cho đơn vị xuất bản thực hiện rút bài theo quy trình quốc tế; ghi nhận vào hồ sơ liêm chính học thuật cá nhân.

6. Xử lý vi phạm đối với giảng viên và cán bộ quản lý

a) Vi phạm nhẹ: Nhắc nhở; yêu cầu tham gia bồi dưỡng về đạo đức sử dụng AI; ghi nhận trong đánh giá thi đua;

b) Vi phạm trung bình: Cảnh cáo; đưa vào diện xem xét khi bình xét thi đua; yêu cầu công khai đính chính đối với các công bố hoặc học liệu có liên quan;

c) Vi phạm nghiêm trọng (làm giả dữ liệu, gian lận trong nghiên cứu, sử dụng AI xử lý dữ liệu người học trái phép): Xử lý theo quy định của pháp luật về viên chức và người lao động; có thể xem xét chấm dứt hợp đồng và thông báo cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Điều 21. Quy trình xử lý vi phạm công bằng và quyền khiếu nại

1. Giai đoạn 1: Phát hiện và báo cáo dấu hiệu nghi vấn. Giảng viên hoặc đơn vị chuyên môn khi phát hiện bất thường (lỗi ảo giác, văn phong bất thường và các dấu hiệu không phù hợp với năng lực đã thể hiện trước đó) phải lập báo cáo mô tả rõ các nghi vấn chuyên môn, đính kèm kết quả từ phần mềm phát hiện AI (nếu có) và các bằng chứng thực tế khác.

2. Giai đoạn 2: Thông báo và thực hiện quyền giải trình

a) Trường thông báo bằng văn bản cho người bị nghi vấn về nội dung vi phạm và các minh chứng cụ thể;

b) Người học có ít nhất 03 ngày làm việc để chuẩn bị văn bản giải trình, đồng thời cung cấp các minh chứng kỹ thuật như nhật ký câu lệnh, thảo thảo thô hoặc lịch sử chỉnh sửa tài liệu;

c) Trong giai đoạn này, người bị nghi vấn có quyền nhờ Cố vấn học tập hỗ trợ và không bị xử lý kỷ luật nếu kết luận vi phạm không đáp ứng tiêu chuẩn chứng cứ tại Điều 18.

3. Giai đoạn 3: Xem xét và thẩm định chuyên môn

a) Hội đồng chuyên môn đánh giá tính nhất quán giữa nội dung giải trình, nhật ký câu lệnh cung cấp và sản phẩm nộp cuối cùng;

b) Hội đồng có quyền tổ chức vấn đáp trực tiếp hoặc yêu cầu thực hiện lại một phần nhiệm vụ học thuật dưới sự giám sát để đối soát năng lực thực chất;

c) Quy trình thẩm định phải xem xét yếu tố "Khoảng cách số" (Digital Divide) để đảm bảo không phân biệt đối xử đối với người học gặp khó khăn trong tiếp cận công cụ AI. Trong trường hợp cần thiết, giảng viên hoặc Hội đồng có thể yêu cầu xác minh trực tiếp thông qua vấn đáp hoặc kiểm tra bổ sung.

4. Giai đoạn 4: Ra quyết định và Thông báo kỷ luật. Quyết định xử lý phải được lập thành văn bản, nêu rõ hành vi vi phạm, trích dẫn chứng cứ (bao gồm việc thiếu minh chứng nếu có) và thông báo công khai quyền khiếu nại cho cá nhân liên quan.

5. Quyền khiếu nại và xem xét lại quyết định

a) Cá nhân bị xử lý có quyền gửi đơn khiếu nại hoặc đề nghị xem xét lại quyết định trong thời hạn quy định của Trường;

b) Việc giải quyết khiếu nại phải do cấp có thẩm quyền cao hơn hoặc một Hội đồng độc lập (không có xung đột lợi ích) thực hiện;

c) Trong quá trình khiếu nại, cá nhân có quyền cung cấp các minh chứng mới chưa được xem xét, đặc biệt là nhật ký câu lệnh chi tiết hoặc đề xuất tổ chức vấn đáp trực tiếp để chứng minh năng lực thực chất.

d) Quy trình giải quyết khiếu nại phải đảm bảo tính minh bạch, không định kiến với công nghệ và không có hành vi phân biệt đối xử hay trả đũa đối với người thực hiện quyền khiếu nại.

6. Thời hạn xử lý

a) Giai đoạn xác minh (từ khi phát hiện đến khi ra kết luận sơ bộ): Không quá 15 ngày làm việc;

b) Giai đoạn ra quyết định xử lý chính thức: Không quá 10 ngày làm việc sau khi có kết luận xác minh;

c) Giai đoạn giải quyết khiếu nại: Không quá 20 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đơn khiếu nại hợp lệ;

d) Trong thời gian xem xét, kết quả học tập liên quan có thể bị tạm giữ nhưng người học không bị hạn chế các quyền học tập khác cho đến khi có quyết định chính thức.

Điều 22. Quản lý hồ sơ và bảo mật thông tin liên quan đến việc sử dụng AI

1. Lập và lưu trữ hồ sơ hệ thống: Toàn bộ hồ sơ liên quan đến quá trình kiểm tra, xác minh, biên bản giải trình, quyết định xử lý vi phạm và hồ sơ giải quyết khiếu nại về sử dụng AI phải được lập và quản lý tập trung theo quy định về lưu trữ của Trường.

Thời hạn lưu trữ tối thiểu như sau

a) Hồ sơ vi phạm ở Mức độ 1 (nhất nhỏ): Lưu trữ tối thiểu 02 năm kể từ ngày ra quyết định;

b) Hồ sơ vi phạm ở Mức độ 2 (điểm 0 bài đánh giá): Lưu trữ theo quy định đối với bài thi;

c) Hồ sơ vi phạm ở Mức độ 3 (đình chỉ, buộc thôi học, hủy bằng): Lưu trữ vĩnh viễn hoặc theo quy định pháp luật về lưu trữ hồ sơ giáo dục;

d) Hồ sơ khai báo AI của người học (do đơn vị lưu): Thực hiện theo Điều 7.

2. Thành phần hồ sơ minh chứng kỹ thuật chuyên biệt: Để đảm bảo tính minh bạch và phục vụ công tác hậu kiểm, hồ sơ phải bao quát các nhóm tài liệu sau

a) Báo cáo dấu hiệu nghi vấn ban đầu của giảng viên hoặc đơn vị chuyên môn, kèm theo các nhận định chuyên môn về lỗi học thuật hoặc dấu hiệu không nhất quán với quá trình học tập trước đó;

b) Minh chứng kỹ thuật cốt lõi: Bao gồm nhật ký câu lệnh, đường dẫn chia sẻ lịch sử tương tác, các bản thảo thô, nhật ký nghiên cứu và các dữ liệu quá trình do người học cung cấp; Turnitin report nếu scan hoặc các hình thức minh chứng tương đương;

c) Các biên bản làm việc, văn bản giải trình cá nhân và các hồ sơ vấn đáp xác minh năng lực thực tế;

d) Quyết định xử lý kỷ luật và các hồ sơ liên quan đến quá trình khiếu nại, xem xét lại quyết định (nếu có).

3. Kiểm soát truy cập và bảo vệ quyền riêng tư

a) Chỉ các cá nhân và đơn vị có thẩm quyền theo phân quyền trực tiếp mới được phép truy cập và khai thác hồ sơ này;

b) Thông tin về hành vi vi phạm và các minh chứng kỹ thuật không được công bố công khai ra bên ngoài, trừ trường hợp pháp luật yêu cầu hoặc có sự đồng ý bằng văn bản của cá nhân liên quan nhằm bảo vệ quyền riêng tư của người học;

c) Việc xử lý và khai thác dữ liệu điện tử phát sinh từ các hệ thống AI phải tuân thủ nghiêm ngặt quy định về bảo vệ dữ liệu cá nhân của Trường và pháp luật hiện hành;

4. Mục đích sử dụng hồ sơ quản trị: Hồ sơ được sử dụng để theo dõi tình trạng tái phạm của cá nhân, đồng thời làm dữ liệu để phân tích các xu hướng ứng dụng công nghệ mới. Kết quả phân tích này là căn cứ quan trọng để Trường hoạch định các biện pháp phòng ngừa, đào tạo bổ sung và cải tiến chính sách quản trị AI định kỳ. Việc truy xuất hồ sơ phải đảm bảo phục vụ kiểm tra, thanh tra và kiểm định chất lượng theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

CHƯƠNG V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Phòng ngừa, đào tạo và truyền thông nâng cao năng lực AI

1. Hệ thống phòng ngừa vi phạm mang tính chủ động: Trường triển khai các biện pháp phòng ngừa đồng bộ nhằm giảm thiểu rủi ro gian lận học thuật, ưu tiên mục tiêu giáo dục nhận thức trước khi áp dụng các chế tài kỷ luật. Các đơn vị đào tạo có trách nhiệm chủ động thiết kế lại hoạt động dạy học theo hướng tăng tỷ trọng đánh giá quá trình có kiểm chứng bằng nhật ký câu lệnh.

2. Chương trình đào tạo và bồi dưỡng năng lực số: Trường xây dựng lộ trình đào tạo kỹ năng AI chuyên biệt cho từng nhóm đối tượng để đảm bảo việc ứng dụng công nghệ an toàn và hiệu quả

a) Đối với giảng viên: Tập trung vào kỹ năng thiết kế nhiệm vụ học tập "kháng AI", kỹ năng vấn đáp xác minh năng lực thực chất và phương pháp sử dụng có trách nhiệm các công cụ hỗ trợ phát hiện AI;

b) Đối với người học: Trọng tâm là kỹ thuật đặt câu lệnh, kỹ năng phân biệt nội dung do AI tạo sinh, cách nhận diện lỗi "ảo giác" và nghĩa vụ minh bạch hóa quy trình làm việc thông qua nhật ký câu lệnh;

c) Đối với cán bộ quản lý và hỗ trợ: Tập trung vào quản trị rủi ro dữ liệu, bảo mật thông tin nghiên cứu và hạ tầng công nghệ an toàn trong môi trường giáo dục số;

d) Đối với nghiên cứu sinh và học viên cao học: Tập trung vào các chuẩn mực khai báo AI trong công bố quốc tế, kỹ năng phân biệt hỗ trợ AI hợp lệ với vi phạm liên chính khoa học, và các quy định của tạp chí/nhà xuất bản về sử dụng AI.

3. Tích hợp giáo dục đạo đức và liên chính số: Các nội dung về đạo đức công nghệ, nhận diện thiên kiến thuật toán và liên chính nghiên cứu phải được lồng ghép trực tiếp vào chương trình đào tạo của từng bậc học. Trường khuyến khích việc xây dựng các thư viện câu lệnh mẫu và tài liệu hướng dẫn kỹ thuật chính thức để định hướng sử dụng đúng đắn cho cộng đồng học thuật.

4. Chiến lược truyền thông và văn hóa minh bạch

a) Xây dựng văn hóa "Khai báo là năng lực", khuyến khích người học xem việc minh bạch hóa quy trình sử dụng công nghệ là biểu hiện của sự chuyên nghiệp và năng lực làm chủ công cụ;

b) Phổ biến rộng rãi cơ chế Vùng an toàn quy định tại Điều 7 đến toàn thể người học và giảng viên, đặc biệt vào đầu mỗi học kỳ và khi có thay đổi quy định;

c) Hoạt động truyền thông phải đảm bảo tính khách quan, tránh các cách tiếp cận cực đoan như cấm đoán hoàn toàn hoặc buông lỏng quản lý, hướng tới việc thúc đẩy sử dụng AI một cách thông minh và có trách nhiệm.

5. Đánh giá và thích ứng kỹ thuật: Định kỳ hằng năm, Trường tổ chức đánh giá mức độ thay đổi nhận thức và hành vi của người học và giảng viên để điều chỉnh nội dung đào tạo và phương thức truyền thông phù hợp với tốc độ phát triển của công nghệ. Các đơn vị chuyên môn báo cáo hiệu quả của các biện pháp phòng ngừa để đề xuất điều chỉnh chính sách quản trị rủi ro kịp thời.

Điều 24. Phân công trách nhiệm các đơn vị và cá nhân

1. Trách nhiệm cấp Trường

a) Chỉ đạo chiến lược lồng ghép quản trị AI vào tiến trình chuyển đổi số và bảo đảm liên chính học thuật của Trường;

b) Quyết định thành lập Hội đồng hoặc Tổ công tác chuyên trách về Đạo đức và Quản trị AI để tư vấn các vấn đề chuyên sâu;

c) Phê duyệt các biểu mẫu khai báo, phụ lục kỹ thuật và danh mục công cụ AI khuyến nghị hoặc hạn chế sử dụng định kỳ.

2. Trách nhiệm của Phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng

a) Là đơn vị đầu mối hướng dẫn các Khoa/Viện xây dựng và tích hợp mức độ sử

dụng AI (Mức 0-3) vào Đề cương chi tiết học phần;

b) Thực hiện kiểm tra tính phù hợp của phương pháp đánh giá thích ứng AI với chuẩn đầu ra học phần và các quy định về Liêm chính;

c) Phối hợp giải quyết các trường hợp khiếu nại liên quan đến kết quả xác minh AI, bảo đảm quyền lợi hợp pháp cho người học.

3. Trách nhiệm của Viện Chuyển đổi số

a) Bảo đảm hạ tầng công nghệ thông tin an toàn cho việc sử dụng các hệ thống AI; thẩm định và khuyến nghị các nền tảng AI bảo mật dữ liệu;

b) Thực hiện đánh giá rủi ro định kỳ đối với các hệ thống AI có chức năng hỗ trợ quyết định đánh giá thuộc Nhóm 4;

c) Xây dựng và quản lý kho tài nguyên học liệu số, bao gồm thư viện câu lệnh mẫu và hướng dẫn kỹ thuật chuyên ngành; đề xuất phương án triển khai tài khoản AI tập trung theo Điều 2 trình Hiệu trưởng phê duyệt lộ trình và kinh phí;

d) Chịu trách nhiệm thẩm định kỹ thuật và an toàn bảo mật của tất cả các hệ thống AI được đề xuất triển khai trong quản trị vận hành nội bộ theo Điều 17; lập và duy trì hồ sơ kỹ thuật cho từng hệ thống.

4. Trách nhiệm của Phòng Quản lý khoa học: Thực hiện theo quy định chi tiết tại Điều 16. Ngoài ra, phối hợp với Phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng trong việc tổng hợp báo cáo hằng năm về tình hình sử dụng AI trong toàn bộ hoạt động học thuật và nghiên cứu của Trường, trình Hiệu trưởng và Hội đồng đạo đức, Liêm chính học thuật.

5. Trách nhiệm của Khoa, Bộ môn và Viện đào tạo

a) Rà soát, phê duyệt và cập nhật đề cương chi tiết học phần định kỳ để xác định mức độ sử dụng AI phù hợp cho từng hoạt động đánh giá thuộc đơn vị quản lý;

b) Tổ chức bồi dưỡng chuyên môn, chia sẻ kinh nghiệm cho các giảng viên về kỹ năng nhận diện sản phẩm AI và phương pháp vấn đáp xác minh năng lực;

c) Giám sát các học phần có nguy cơ gian lận AI cao để kịp thời điều chỉnh phương thức thi hoặc kiểm tra.

6. Trách nhiệm của giảng viên

6.1. Công bố và thiết lập khung sử dụng AI cho học phần, hướng dẫn sinh viên sử dụng AI an toàn, hiệu quả và đúng quy định

a) Công bố minh bạch mức độ cho phép sử dụng AI (Mức 0-3) và yêu cầu cụ thể về minh chứng kỹ thuật, bao gồm nhật ký câu lệnh, ngay từ buổi học đầu tiên và trong Đề cương chi tiết học phần theo Điều 9;

b) Khi điều chỉnh mức độ AI trong quá trình học kỳ, thông báo bằng văn bản qua hệ thống LMS hoặc email ít nhất 01 tuần trước khi thực hiện nhiệm vụ đánh giá theo Điều 10;

c) Đối với học phần tổ chức thi, kiểm tra trực tuyến, phối hợp với đơn vị phụ trách công nghệ để thiết lập các biện pháp kiểm soát kỹ thuật phù hợp theo Điều 10.

6.2. Thiết kế đánh giá thích ứng AI

a) Thiết kế bài tập và đề thi yêu cầu sự tham gia trí tuệ thực chất của người học, ưu tiên các hình thức đánh giá cá nhân hóa, gắn với bối cảnh thực tiễn hoặc dữ liệu đặc thù mà AI không thể thay thế hoàn toàn, phù hợp với mức độ đã công bố của học phần;

b) Điều chỉnh tiêu chí đánh giá để chú trọng năng lực tư duy, phân tích và phản

biện hơn là hình thức trình bày;

c) Giảng viên có quyền yêu cầu người học xác minh trực tiếp (vấn đáp, trình bày) khi có nghi ngờ hợp lý;

d) Tuyệt đối không lạm dụng phần mềm phát hiện AI làm căn cứ duy nhất để kết luận vi phạm; mọi quyết định xử lý phải tuân theo nguyên tắc tại Điều 18.

6.3. Sử dụng AI trong hoạt động giảng dạy của giảng viên

a) Được khuyến khích sử dụng AI để nâng cao chất lượng học liệu, bài giảng và thiết kế đánh giá, với điều kiện phân xét chuyên môn và quyết định cuối cùng luôn thuộc về giảng viên; Giảng viên phải kiểm duyệt nội dung do AI hỗ trợ trước khi sử dụng trong giảng dạy;

b) Khi sử dụng AI Nhóm 3 hoặc Nhóm 4 trong soạn thảo đề thi hoặc học liệu chính thức, thực hiện khai báo nội bộ với Trưởng Bộ môn theo Điều 8; mọi nội dung do AI hỗ trợ phải được giảng viên kiểm chứng và chịu trách nhiệm trước khi sử dụng chính thức;

c) Nghiêm cấm: đưa đề thi, ngân hàng câu hỏi hoặc dữ liệu cá nhân người học lên nền tảng AI công cộng theo Điều 4; sử dụng AI Nhóm 4 để ra quyết định điểm số cuối kỳ mà không thực hiện hậu kiểm theo Điều 5.

6.4. Xác minh và xử lý nghi vấn

a) Khi phát hiện dấu hiệu nghi vấn vi phạm, lập báo cáo và thực hiện đúng quy trình xác minh; không tự ý ra kết luận hoặc áp dụng hình thức xử lý trước khi hoàn tất quy trình;

b) Tôn trọng quyền giải trình của người học; tạo điều kiện để người học cung cấp nhật ký câu lệnh và minh chứng quá trình trong thời hạn quy định tại Điều 18;

c) Báo cáo kịp thời các trường hợp nghi vấn phức tạp vượt thẩm quyền về Trưởng Bộ môn hoặc đơn vị chức năng.

6.5. Bảo đảm công bằng kỹ thuật số

a) Cân nhắc sự chênh lệch về khả năng tiếp cận công cụ AI giữa người học khi thiết kế tiêu chí chấm điểm, tránh tạo bất lợi cho người học không có công cụ AI tốt;

b) Khi phát hiện người học gặp khó khăn về tiếp cận công nghệ, báo cáo về Bộ môn/Khoa để đề xuất hỗ trợ theo chính sách tài khoản AI tập trung tại Điều 2.

7. Trách nhiệm của người học

a) Chủ động trang bị kiến thức về sử dụng AI có trách nhiệm và tuân thủ tuyệt đối mức độ sử dụng AI đã được giảng viên công bố với từng học phần;

b) Chịu trách nhiệm toàn bộ nội dung bài làm, sản phẩm nghiên cứu kể cả khi có sử dụng AI;

c) Thực hiện nghĩa vụ khai báo trung thực và duy trì nhật ký câu lệnh cùng các bản thảo thô để chứng minh quá trình tư duy độc lập. Việc không khai báo hoặc khai báo không trung thực về việc sử dụng AI được xem là hành vi vi phạm;

d) Hợp tác đầy đủ với giảng viên và các đơn vị chức năng trong quá trình hậu kiểm hoặc giải quyết khiếu nại liên quan đến AI.

Điều 25. Giám sát, đánh giá và thích ứng công nghệ

1. Cơ chế giám sát đa tầng: Trường thiết lập hệ thống giám sát việc tuân thủ quy định sử dụng AI theo 03 cấp độ chặt chẽ

a) Cấp học phần: Giảng viên trực tiếp giám sát việc khai báo, kiểm tra nhật ký câu

lệnh và đối soát năng lực thực chất qua tương tác tại lớp và các bài thi, sản phẩm học thuật thuộc học phần được giao;

b) Cấp Khoa/Viện: Rà soát việc tích hợp mức độ AI vào đề cương chi tiết học phần và hỗ trợ xác minh các trường hợp nghi vấn phức tạp;

c) Cấp Trường: Thực hiện hậu kiểm ngẫu nhiên hồ sơ khai báo AI và nhật ký câu lệnh trong các kỳ thi, đánh giá hoặc công tác nghiệm thu khoa học.

2. Vai trò của Hội đồng đạo đức và liên chính học thuật

a) Thẩm định tính an toàn và rủi ro đạo đức của các nền tảng AI mới trước khi triển khai ứng dụng rộng rãi trong Trường;

b) Giải quyết các khiếu nại chuyên sâu về kết luận vi phạm liên chính học thuật liên quan đến thuật toán hoặc lỗi "ảo giác" của AI;

c) Tham mưu cho Hiệu trưởng về việc cập nhật danh mục công cụ AI khuyến nghị hoặc hạn chế sử dụng theo định kỳ.

3. Báo cáo và phân tích xu hướng: Định kỳ hằng học kỳ, các đơn vị báo cáo tổng hợp về Phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng các nội dung

a) Thống kê tỷ lệ các học phần áp dụng các mức độ sử dụng AI (Mức 0, 1, 2, 3);

b) Phân tích xu hướng vi phạm mới và đánh giá chất lượng minh chứng (nhật ký câu lệnh) của người học;

c) Đề xuất các cải tiến chính sách dựa trên thực tiễn triển khai.

4. Đánh giá tác động hằng năm: Trường tổ chức đánh giá định kỳ về ảnh hưởng của AI đối với chất lượng đào tạo, tập trung vào việc đo lường sự thay đổi trong chuẩn đầu ra và năng lực tư duy phản biện của người học. Kết quả này là căn cứ để rà soát mức độ phù hợp của hệ thống phân loại rủi ro và cải tiến chương trình đào tạo.

5. Cập nhật quy định và thích ứng công nghệ

a) Trường thực hiện rà soát quy định này tối thiểu 02 năm một lần để đảm bảo phù hợp với tốc độ thay đổi nhanh chóng của công nghệ AI;

b) Hiệu trưởng có thẩm quyền ban hành các Phụ lục kỹ thuật cập nhật danh mục công cụ hoặc ban hành hướng dẫn tạm thời khi xuất hiện các công nghệ AI đột biến để bảo vệ uy tín học thuật của Trường;

c) Mọi thay đổi, điều chỉnh phải có lộ trình áp dụng hợp lý và được truyền thông công khai cho toàn thể viên chức và người học ít nhất 15 ngày trước khi chính thức áp dụng.

Điều 26. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với các hoạt động học thuật đang triển khai: Các học phần, đề tài nghiên cứu khoa học, luận văn, luận án đang thực hiện trước ngày Quy định này có hiệu lực được tiếp tục thực hiện theo kế hoạch đã phê duyệt. Tuy nhiên

a) Đơn vị đào tạo (Khoa/Viện/Bộ môn) có quyền điều chỉnh đề cương học phần và phương pháp đánh giá để lồng ghép các yêu cầu về minh bạch AI theo Quy định mới;

b) Giảng viên hướng dẫn có trách nhiệm cập nhật các yêu cầu về khai báo AI cho người học trong phạm vi nhiệm vụ còn lại.

2. Thời hạn chuyển tiếp: Trường ấn định thời gian chuyển tiếp tối đa là 01 học kỳ kể từ ngày Quy định có hiệu lực. Sau thời hạn này, mọi hoạt động đào tạo và nghiên cứu phải tuân thủ tuyệt đối theo các Mức độ sử dụng AI và quy trình quản trị tại Quy định này.

3. Xử lý vi phạm trong giai đoạn chuyển tiếp

a) Các hành vi vi phạm xảy ra trước ngày Quy định có hiệu lực được xử lý theo quy định tại thời điểm đó, trừ trường hợp Quy định mới có lợi hơn cho người học;

b) Trong giai đoạn chuyển tiếp, Trường ưu tiên các hình thức hướng dẫn, nhắc nhở và giáo dục nhằm nâng cao nhận thức hơn là áp dụng kỷ luật nghiêm trọng, trừ trường hợp có dấu hiệu gian lận rõ ràng, cố ý giả mạo dữ liệu hoặc tái phạm.

4. Thông báo điều chỉnh: Mọi thay đổi trong đề cương hoặc hướng dẫn nhiệm vụ do áp dụng Điều khoản chuyển tiếp phải được giảng viên thông báo công khai cho người học bằng văn bản hoặc qua hệ thống UIS của Trường.

Điều 27. Điều khoản thi hành

1. Hiệu lực thi hành: Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành, được áp dụng thống nhất trong toàn Trường, là căn cứ bắt buộc trong hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu và thay thế tất cả các quy định trước đây của Trường liên quan đến quản lý và sử dụng AI trong đào tạo, nghiên cứu và quản trị (nếu có).

2. Nguyên tắc áp dụng: Kể từ ngày Quy định này có hiệu lực, tất cả các quy định trước đây của Trường về quản lý AI hoặc các nội dung liên quan trái với Quy định này đều hết hiệu lực. Các đơn vị chức năng có thể ban hành hướng dẫn thực hiện cụ thể cho lĩnh vực phụ trách nhưng không được trái với các nguyên tắc tại Chương I và Quy định này.

3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện: Trường các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường, các phân hiệu, giảng viên, cán bộ quản lý và người học có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các nội dung của Quy định này trong phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

4. Đơn vị đầu mối và giám sát

a) Phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng là đơn vị đầu mối theo dõi, hướng dẫn triển khai và tổng hợp báo cáo tình hình thực hiện trong toàn Trường;

b) Các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường thực hiện theo Quy định này và phối hợp thực hiện theo phân công.

5. Lộ trình triển khai: Các đơn vị có 60 ngày kể từ ngày Quy định có hiệu lực để cập nhật đề cương chi tiết, ban hành hướng dẫn nội bộ và tổ chức phổ biến đến toàn thể giảng viên và người học. Trong thời gian này, Trường ưu tiên hướng dẫn, nhắc nhở và giáo dục theo tinh thần Điều 25.

6. Rà soát và cập nhật định kỳ

a) Quy định này được rà soát toàn diện định kỳ 02 năm một lần hoặc sớm hơn khi có thay đổi lớn về chính sách pháp luật, công nghệ AI hoặc chuẩn mực học thuật quốc tế. Viện Chuyển đổi số, Phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng chủ trì soạn thảo đề xuất sửa đổi trình Hiệu trưởng phê duyệt;

b) Danh mục công cụ AI được cập nhật định kỳ mỗi học kỳ theo quy trình rút gọn do Hiệu trưởng phê duyệt, không yêu cầu sửa đổi toàn bộ Quy định.

7. Giải quyết vướng mắc: Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc hoặc các vấn đề kỹ thuật mới chưa có tiền lệ, các đơn vị và cá nhân phải phản ánh bằng văn bản về Phòng Khảo thí và Quản lý chất lượng để tổng hợp, báo cáo Hiệu trưởng xem xét và quyết định điều chỉnh kịp thời.

8. Phụ lục đính kèm: Các Phụ lục từ I đến X ban hành kèm theo Quy định này là bộ phận không tách rời và có giá trị pháp lý tương đương./.

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - MARKETING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC I
Mẫu khai báo việc sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI)

1. Thông tin người học

Họ và tên:
Mã số sinh viên:
Lớp:
Học phần:
Giảng viên phụ trách:
Hình thức đánh giá:

2. Thông tin về việc sử dụng AI

2.1. Công cụ AI sử dụng

Tên công cụ AI:
Phiên bản (nếu có):
Thời điểm sử dụng:

2.2. Mục đích sử dụng (đánh dấu X)

- ☐ Gợi ý ý tưởng
☐ Xây dựng dàn ý
☐ Tạo bản nháp
☐ Phân tích dữ liệu
☐ Hiệu chỉnh ngôn ngữ
☐ Khác (ghi rõ):

2.3. Phạm vi sử dụng

Phần nội dung có AI hỗ trợ:
Tỷ lệ ước tính nội dung có AI tham gia (%):
Phần nội dung do cá nhân tự thực hiện và hoàn thiện:
Đường dẫn chia sẻ lịch sử trò chuyện:

2.4. Quá trình kiểm chứng và chỉnh sửa

Cách thức kiểm tra độ chính xác thông tin:
Cách chỉnh sửa, bổ sung, phản biện nội dung do AI tạo ra:

3. Cam kết

Tôi cam kết:

- Nội dung nộp là sản phẩm học thuật mà tôi chịu trách nhiệm hoàn toàn;
- Việc sử dụng AI (nếu có) được khai báo trung thực;
- Không có hành vi gian lận hoặc che giấu thông tin.

Cam kết: chịu trách nhiệm toàn bộ nội dung bài làm, kể cả khi có sử dụng AI
....., ngày tháng năm 20

Người khai báo
(Ký, ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC II

Mẫu tuyên bố sử dụng AI trong bài nộp để đánh giá học phần

1. Mục đích

Phụ lục này quy định mẫu tuyên bố về việc sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong bài nộp học thuật nhằm:

- Bảo đảm tính minh bạch trong quá trình học tập, nghiên cứu và thực hiện sản phẩm học thuật;
- Xác nhận trách nhiệm cá nhân của người nộp bài đối với nội dung đã thực hiện;
- Hỗ trợ giảng viên và đơn vị chuyên môn trong việc đánh giá tính trung thực học thuật và phạm vi sử dụng AI.

2. Tuyên bố sử dụng AI

Sinh viên, học viên hoặc nghiên cứu sinh phải đặt tuyên bố sau ở đầu hoặc cuối bài nộp khi học phần hoặc hoạt động học thuật yêu cầu khai báo việc sử dụng AI.

Tôi xác nhận bài làm này là sản phẩm học thuật do cá nhân tôi thực hiện và chịu trách nhiệm toàn diện. Việc sử dụng AI (nếu có) đã được thực hiện theo đúng mức độ cho phép (Mức 1/2/3) của học phần. Toàn bộ quy trình tương tác với AI đã được ghi lại tại nhật ký câu lệnh (Phụ lục X) đính kèm. Tôi cam kết không sử dụng AI để sao chép hoặc tạo nội dung thay thế tư duy độc lập.

Tôi chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác của thông tin, tính trung thực học thuật và nội dung của bài làm này.

3. Thông tin khai báo bổ sung (nếu có sử dụng AI)

Nội dung	Thông tin khai báo
Mức độ sử dụng AI (Mức 0/1/2/3)	
Công cụ AI sử dụng	
Phiên bản (nếu có)	
Mục đích sử dụng	
Phần nội dung có AI hỗ trợ	
Tỷ lệ ước tính nội dung có AI hỗ trợ (%)	
Cách kiểm chứng và chỉnh sửa kết quả	

4. Trách nhiệm của người nộp bài

Người nộp bài có trách nhiệm:

- Bảo đảm tính trung thực của tuyên bố về việc sử dụng AI;
- Khai báo đầy đủ và chính xác trong trường hợp có sử dụng AI;
- Chịu trách nhiệm về nội dung học thuật của bài làm;
- Thực hiện giải trình và cung cấp minh chứng khi giảng viên hoặc đơn vị có thẩm quyền yêu cầu xác minh.

(Mẫu tuyên bố này được sử dụng khi học phần hoặc hoạt động học thuật yêu cầu khai báo việc sử dụng AI và là một phần của hồ sơ đánh giá)

....., ngày tháng năm 20

Người khai báo
(Ký, ghi rõ họ tên)

**BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - MARKETING**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

PHỤ LỤC III

Mẫu khai báo sử dụng AI trong luận văn, luận án và công bố khoa học

1. Mục đích và phạm vi áp dụng

Phụ lục này quy định mẫu khai báo việc sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) áp dụng đối với các sản phẩm học thuật và công bố khoa học trong phạm vi quản lý của Trường, bao gồm:

- a) Luận văn thạc sĩ;
- b) Luận án tiến sĩ;
- c) Bài báo khoa học;
- d) Báo cáo nghiên cứu;
- đ) Sách chuyên khảo, chương sách học thuật và các sản phẩm khoa học khác.

Mẫu khai báo nhằm bảo đảm tính minh bạch, trách nhiệm học thuật và khả năng truy xuất và giải trình khi AI được sử dụng trong quá trình nghiên cứu hoặc chuẩn bị công bố khoa học.

2. Nội dung khai báo

Tác giả hoặc nhóm tác giả phải thực hiện khai báo khi trí tuệ nhân tạo được sử dụng đáng kể trong quá trình nghiên cứu, phân tích dữ liệu hoặc chuẩn bị nội dung công trình khoa học.

Bảng khai báo việc sử dụng AI:

Nội dung	Thông tin
Mức độ sử dụng AI (Mức 1/2/3 theo quy định)	
Tên công cụ AI sử dụng	
Phiên bản (nếu có)	
Mục đích sử dụng	
Phạm vi sử dụng và mức độ sử dụng AI	
Vai trò của AI trong nghiên cứu	
Phần nội dung có AI hỗ trợ	
Cách kiểm chứng, hiệu chỉnh và xác nhận độ tin cậy của kết quả do AI hỗ trợ	

3. Vị trí khai báo

Việc khai báo sử dụng AI có thể được trình bày tại một trong các vị trí sau của công trình học thuật:

- a) Phần Phương pháp nghiên cứu;
- b) Phần Lời cảm ơn hoặc ghi chú tác giả;
- c) Phụ lục của luận văn hoặc luận án;
- d) Mục AI disclosure hoặc mục khai báo tương tự theo yêu cầu của tạp chí, nhà xuất bản hoặc cơ quan tài trợ.
- e) Theo yêu cầu cụ thể của hội đồng chấm, đơn vị quản lý hoặc cơ quan tài trợ.

4. Nguyên tắc trách nhiệm học thuật

- a) AI không được ghi nhận là tác giả hoặc đồng tác giả của công trình khoa học;
- b) Tác giả chịu trách nhiệm toàn diện về nội dung công bố, bao gồm tính chính xác của dữ liệu, lập luận khoa học và kết luận nghiên cứu;
- c) Nội dung do AI hỗ trợ phải được kiểm chứng và chịu trách nhiệm bởi tác giả;
- d) Việc sử dụng AI phải tuân thủ các quy định về đạo đức nghiên cứu, bảo vệ dữ liệu và quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật và của Trường.

....., ngày tháng năm 2026

Người khai báo
(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - MARKETING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC IV
Nhật ký câu lệnh

Nhật ký câu lệnh không yêu cầu ghi lại toàn bộ hội thoại, nhưng phải thể hiện được các bước sử dụng AI có ảnh hưởng đến kết quả học thuật.

Cấu trúc nhật ký câu lệnh:

STT	Thời điểm	Giai đoạn thực hiện	Công cụ AI	Câu lệnh đã sử dụng (Prompt)	Kết quả chính từ AI	Chỉnh sửa/Phản biện của con người
1		Lên ý tưởng/Dàn ý		"Hãy gợi ý 5 hướng tiếp cận cho đề tài..."	AI liệt kê 5 hướng tiếp cận	Chọn hướng số 3 nhưng điều chỉnh theo thực tiễn tại VN...
2		Phân tích dữ liệu		"Viết mã Python để vẽ biểu đồ từ file CSV..."	AI cung cấp mã nguồn...	Tự kiểm tra lại mã và bổ sung các chú thích chuyên môn...
3		Hiệu chỉnh ngôn ngữ		"Rà soát lỗi ngữ pháp đoạn văn sau..."	AI gợi ý sửa đoạn...	Chấp nhận sửa lỗi chính tả nhưng giữ nguyên các thuật ngữ chuyên ngành...

Nhật ký câu lệnh có thể được trình bày dưới dạng bảng hoặc tài liệu đính kèm. Trong trường hợp sử dụng nhiều công cụ AI hoặc quy trình phức tạp, người học/tác giả có thể tóm tắt các bước chính thay vì liệt kê toàn bộ chi tiết.

Nhật ký câu lệnh phải phản ánh trung thực quá trình sử dụng AI; việc khai báo không đầy đủ hoặc không chính xác có thể được xem là hành vi vi phạm.

Nhật ký câu lệnh là một phần của hồ sơ minh chứng và có thể được sử dụng để đánh giá mức độ đóng góp thực chất của người học/tác giả.

....., ngày tháng năm 20

Người khai báo
(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - MARKETING

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC V

Hướng dẫn xác định mức độ sử dụng AI trong đề cương học phần

1. Nguyên tắc chung

Giảng viên phải xác định rõ mức độ sử dụng AI (Mức 0, 1, 2 hoặc 3) cho từng hình thức đánh giá và nhiệm vụ học tập trong đề cương học phần.

Mức độ sử dụng AI phải phù hợp với chuẩn đầu ra học phần và mục tiêu đánh giá năng lực người học.

2. Biểu mẫu xác định mức độ

Nội dung đánh giá	Mức AI áp dụng	Yêu cầu khai báo	Yêu cầu minh chứng	Hình thức kiểm tra bổ sung
Bài kiểm tra giữa kỳ				
Bài tập nhóm				
Tiểu luận				
Thi cuối kỳ				

Đối với các hình thức đánh giá ở Mức 2 và Mức 3, giảng viên phải xác định rõ yêu cầu minh chứng và phương thức xác minh năng lực người học.

3. Checklist rà soát

- ☐ Đã công bố rõ mức độ AI trong đề cương
- ☐ Đã thiết kế rubrics phù hợp
- ☐ Đã quy định yêu cầu khai báo
- ☐ Đã xác định cơ chế giải trình và xác minh khi cần thiết
- ☐ Đã thiết kế hình thức đánh giá bảo đảm không thể hoàn thành hoàn toàn bằng AI mà không có đóng góp thực chất của người học
- ☐ Đã xác định phương án xử lý khi phát hiện dấu hiệu sử dụng AI không phù hợp

Phụ lục này được sử dụng khi xây dựng và rà soát đề cương học phần, là căn cứ triển khai các quy định tại Điều 10, 11 và 21 của Quy định.

....., ngày tháng năm 20

Giảng viên xác nhận
(Ký, ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC VI

Nguyên tắc sử dụng công cụ hỗ trợ phát hiện nội dung do AI tạo ra

1. Mục đích

Phụ lục này quy định nguyên tắc sử dụng các công cụ hỗ trợ phát hiện nội dung do AI tạo ra nhằm hỗ trợ giảng viên/đơn vị chuyên môn nhận diện rủi ro và phục vụ quá trình xác minh học thuật, đồng thời bảo đảm công bằng, minh bạch và an toàn dữ liệu.

2. Nguyên tắc chung

- a) Kết quả từ công cụ chỉ mang tính tham khảo, không có giá trị thay thế đánh giá chuyên môn của giảng viên hoặc Hội đồng.
- b) Không sử dụng kết quả công cụ làm căn cứ duy nhất để kết luận vi phạm liên chính học thuật.
- c) Việc xác minh phải theo quy trình quy định tại Điều 21.
- d) Việc sử dụng công cụ phải bảo đảm bảo mật dữ liệu người học, tuân thủ quy định nội bộ và pháp luật liên quan.
- đ) Tránh định kiến công nghệ: Không suy đoán vi phạm chỉ dựa trên văn phong hoặc chỉ số do công cụ cung cấp.
- e) Công cụ phát hiện AI được hiểu là các phần mềm hoặc dịch vụ phân tích nội dung nhằm ước lượng khả năng nội dung được tạo bởi AI.

3. Giới hạn và yêu cầu bảo mật khi sử dụng

- a) không đưa dữ liệu lên các công cụ bên thứ ba khi chưa được phê duyệt về bảo mật.
- b) Không lưu trữ, sao chép, chia sẻ dữ liệu người học trái phép; chỉ lưu hồ sơ phục vụ xác minh theo thẩm quyền và quy trình.
- c) Chỉ sử dụng công cụ khi đã được đơn vị có thẩm quyền phê duyệt về bảo mật và hướng dẫn sử dụng; không tự ý triển khai công cụ có nguy cơ thu thập dữ liệu vượt phạm vi cần thiết.
- d) Cá nhân sử dụng công cụ chịu trách nhiệm về việc tuân thủ quy định bảo mật và phạm vi sử dụng dữ liệu

4. Quy trình tham khảo khi sử dụng công cụ phát hiện AI

Khi có dấu hiệu nghi vấn, giảng viên/đơn vị chuyên môn thực hiện theo trình tự:

- a) Rà soát chuyên môn và thu thập minh chứng (bản nháp, lịch sử chỉnh sửa, nguồn trích dẫn).
- b) Sử dụng công cụ phát hiện như bước hỗ trợ nhận diện rủi ro sau khi đã có dấu hiệu nghi vấn hợp lý.
- c) Thông báo và yêu cầu người học giải trình theo quy trình tại Điều 21; có thể tổ chức vấn đáp/viết lại một phần trong điều kiện kiểm soát.
- d) Tổng hợp chứng cứ và đề xuất hướng xử lý theo Chương IV.

Việc sử dụng công cụ phát hiện AI phải bảo đảm nguyên tắc suy đoán vô tội và chỉ kết luận vi phạm khi có đầy đủ căn cứ theo quy định./

PHỤ LỤC VII

Biên bản xác minh nghi vấn vi phạm liên chính học thuật liên quan đến AI

1. Thông tin chung

Họ và tên người học:.....
Mã số sinh viên:
Học phần:
Hình thức đánh giá/bài nộp:
Thời điểm nộp bài:
Mức độ sử dụng AI của học phần (Mức 0/1/2/3):
Giảng viên phụ trách:
Ngày lập biên bản:

2. Mô tả dấu hiệu nghi vấn

(Trình bày cụ thể nội dung nghi vấn, bao gồm dấu hiệu về nội dung, văn phong, dữ liệu hoặc kết quả phân tích)

3. Căn cứ chuyên môn

- a) Phân tích nội dung (nêu rõ điểm bất thường hoặc không phù hợp)
- b) So sánh với bài làm trước hoặc năng lực đã thể hiện
- c) Minh chứng quá trình (nhật ký câu lệnh, bản nháp, lịch sử chỉnh sửa...)
- d) Kết quả từ công cụ hỗ trợ (nếu có, chỉ mang tính tham khảo)

Việc xác minh không được dựa trên một nguồn thông tin duy nhất.

4. Ý kiến giải trình của người học

(Đính kèm văn bản giải trình và minh chứng nếu có)

Hình thức giải trình: ☐ Văn bản ☐ Vấn đáp ☐ Khác:”

5. Nhận định và kiến nghị

Phân loại mức độ vi phạm (nếu có)

Đề xuất hướng xử lý

....., ngày tháng năm 2026

Người học xác nhận
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người lập biên bản
(Ký, ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC VIII
Khung phân loại vi phạm và hình thức xử lý

1. Mục đích

Phụ lục này quy định khung tham chiếu để phân loại hành vi vi phạm liên quan đến việc sử dụng AI và định hướng hình thức xử lý tương ứng, bảo đảm thống nhất áp dụng trong toàn Trường, định hướng áp dụng hình thức xử lý tương ứng.

2. Nguyên tắc phân loại vi phạm

Vi phạm được xem xét, phân loại dựa trên tổng hợp các tiêu chí sau:

- Mức độ sử dụng AI trái quy định (so với mức AI đã công bố đối với học phần/hình thức đánh giá đã công bố theo đề cương học phần).
- Yếu tố cố ý (cố tình gian dối, che giấu, né tránh giải trình hoặc thao túng quy trình).
- Tỷ lệ và vai trò của nội dung AI trong sản phẩm học thuật.
- Mức độ ảnh hưởng đến tính trung thực học thuật và kết quả đánh giá năng lực.
- Tiền sử vi phạm/tái phạm và thái độ hợp tác, giải trình của người học.
- Kết quả xác minh theo quy trình tại Điều 21.

3. Bảng tham chiếu phân loại và xử lý

Tiêu chí	Vi phạm mức độ nhẹ	Vi phạm mức độ trung bình	Vi phạm mức độ nghiêm trọng
Hành vi kỹ thuật	Sử dụng AI vượt mức nhưng chưa chi phối nội dung; sai sót khai báo vô ý.	Sử dụng AI tạo nội dung đáng kể mà không khai báo; không cung cấp được minh chứng quá trình khi có yêu cầu xác minh.	Sử dụng AI tạo toàn bộ bài làm; cố ý tạo dữ liệu giả/trích dẫn giả; thuê người dùng AI làm hộ.
Tỷ lệ/mức độ tham gia của AI	Thấp, mang tính hỗ trợ, không chi phối nội dung trọng yếu của bài đánh giá	Đáng kể, ảnh hưởng kết quả đánh giá hoặc phần nội dung quan trọng	Phần lớn hoặc toàn bộ; AI thay thế vai trò học thuật của người học
Khai báo sử dụng AI	Thiếu sót không đáng kể; có thể khắc phục trước khi hoàn tất quá trình xác minh	Không khai báo khi bắt buộc hoặc khai báo không đầy đủ	Gian dối/che giấu có chủ ý
Dấu hiệu gian lận	Không rõ ràng; chủ yếu do nhận thức	Có dấu hiệu né tránh trách nhiệm học thuật nhưng chưa đủ căn cứ kết luận gian lận có chủ ý	Gian lận có chủ ý, làm thay/thuê làm, dữ liệu/nguồn giả, thao túng kiểm tra
Tính chất lỗi	Do thiếu kỹ năng	Có dấu hiệu cố ý né	Gian lận có tổ chức;

Tiêu chí	Vi phạm mức độ nhẹ	Vi phạm mức độ trung bình	Vi phạm mức độ nghiêm trọng
	hoặc chưa nắm rõ quy định.	tránh trách nhiệm học thuật cá nhân.	thao túng quy trình kiểm soát.
Tái phạm	Không	Có thể có	Tái phạm nhiều lần hoặc đã bị xử lý trước đó
Cơ chế Vùng an toàn (Safe Harbor)	Miễn kỷ luật: Nếu chủ động khai báo sai sót trước khi bị phát hiện hoặc trước khi được yêu cầu xác minh.	Giảm mức độ: Hạ xuống vi phạm "Nhẹ" nếu thành khẩn phối hợp giải trình và cung cấp minh chứng đầy đủ.	Xem xét giảm nhẹ: Nếu là vi phạm lần đầu và thái độ hợp tác tích cực.
Hình thức xử lý	Nhắc nhở/cảnh cáo học thuật; yêu cầu chỉnh sửa/làm lại; trừ điểm theo mức độ	Điểm 0 cho bài đánh giá; ghi nhận vi phạm theo quy định vào hồ sơ học tập (nếu áp dụng); yêu cầu học bồi dưỡng liên chính	Điểm 0 học phần/đình chỉ có thời hạn/xử lý kỷ luật theo quy chế; trường hợp đặc biệt xem xét buộc thôi học theo quy chế hiện hành

Việc áp dụng hình thức xử lý được thực hiện theo Chương V; phụ lục này chỉ mang tính chất tham chiếu.

Việc phân loại vi phạm phải được xem xét tổng thể, không dựa trên một tiêu chí đơn lẻ.

Phụ lục này chỉ mang tính tham chiếu; việc xử lý thực hiện theo Chương V.

PHỤ LỤC IX
Danh mục phân loại công cụ trí tuệ nhân tạo

1. Mục đích

Phụ lục này cung cấp khung tham chiếu để phân loại các công cụ trí tuệ nhân tạo (AI) theo mức độ rủi ro trong hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và quản trị học thuật của Trường.

Danh mục này nhằm hỗ trợ các đơn vị chuyên môn, giảng viên và người học nhận diện mức độ kiểm soát cần thiết khi sử dụng các công cụ AI trong hoạt động học tập và nghiên cứu.

2. Phân loại công cụ AI

Các công cụ AI được phân loại theo mức độ ảnh hưởng đến hoạt động học thuật và nguy cơ phát sinh rủi ro liên quan đến liêm chính học thuật, dữ liệu và sở hữu trí tuệ. Việc phân loại được xem xét theo cách sử dụng cụ thể, không chỉ dựa trên tên công cụ.

NHÓM 1 - Khuyến nghị (Rủi ro thấp): Các công cụ hỗ trợ kỹ thuật như Grammarly (sửa lỗi), Zotero/Mendeley (trích dẫn), Quillbot (paraphrase mức độ từ ngữ).

NHÓM 2 - Sử dụng có điều kiện (Rủi ro trung bình): Các Chatbot phổ thông như ChatGPT (GPT-3.5/4), Claude, Gemini, Perplexity. Yêu cầu: Phải khai báo và nộp nếu dùng ở Mức 2 và 3.

NHÓM 3 - Hạn chế sử dụng (Rủi ro cao): Các công cụ chuyên tạo lập văn bản học thuật tự động (AI essay generators), các công cụ giả lập dữ liệu nghiên cứu hoặc viết mã nguồn phức tạp. Yêu cầu: Chỉ dùng khi Giảng viên cho phép bằng văn bản.

NHÓM 4 - Nghiêm cấm (Rủi ro đặc biệt): Các công cụ được thiết kế riêng để vượt qua phần mềm đạo văn (AI bypassers), công cụ hỗ trợ gian lận thi cử trực tuyến hoặc các AI thay thế hoàn toàn tư duy của con người.

Nhóm công cụ	Đặc điểm	Ví dụ tham khảo	Chính sách sử dụng
Nhóm khuyến nghị	Công cụ hỗ trợ kỹ thuật hoặc hỗ trợ học tập cơ bản, không tạo nội dung học thuật hoàn chỉnh	Công cụ kiểm tra ngôn ngữ, quản lý tài liệu tham khảo	Được phép sử dụng
Nhóm sử dụng có điều kiện	Công cụ AI có khả năng tạo nội dung, tổng hợp thông tin hoặc hỗ trợ phân tích	Chatbot tạo sinh nội dung, công cụ tổng hợp thông tin	Được phép sử dụng nhưng phải khai báo theo quy định khi sử dụng trong sản phẩm học thuật
Nhóm hạn chế sử dụng	Công cụ có khả năng tự động tạo nội dung học thuật ở mức độ cao hoặc thực hiện các tác vụ chuyên sâu có thể ảnh hưởng đến đánh giá năng lực	Công cụ hỗ trợ gian lận học thuật hoặc làm thay nhiệm vụ học tập	Chỉ được sử dụng khi học phần hoặc hoạt động nghiên cứu cho phép
Nhóm không được phép	Công cụ được thiết kế nhằm thực hiện gian lận học thuật hoặc làm thay nhiệm vụ học tập	Công cụ hỗ trợ gian lận học thuật hoặc làm thay nhiệm vụ học tập	Cấm sử dụng trong hoạt động học tập và nghiên cứu

Phân biệt Nhóm 3 và Nhóm 4: Nhóm 3 có thể được sử dụng trong điều kiện kiểm soát; Nhóm 4 bị cấm do mục đích sử dụng gắn trực tiếp với hành vi gian lận học thuật.

3. Nguyên tắc áp dụng

Việc phân loại công cụ AI phải căn cứ vào các tiêu chí sau:

- a) Mức độ ảnh hưởng của công cụ đến quá trình hình thành nội dung học thuật;
- b) Khả năng làm sai lệch kết quả đánh giá năng lực cá nhân;
- c) Nguy cơ phát sinh hành vi gian lận học thuật;
- d) Khả năng kiểm soát, giám sát và xác minh quá trình sử dụng.
- e) Mức độ phù hợp với quy định sử dụng AI của học phần hoặc hoạt động nghiên cứu.

4. Cơ chế cập nhật danh mục

Danh mục phân loại công cụ AI được cập nhật định kỳ nhằm bảo đảm phù hợp với sự phát triển của công nghệ.

Viện Chuyên đổi số có trách nhiệm:

- a) Theo dõi xu hướng phát triển của các nền tảng AI;
- b) Đề xuất cập nhật danh mục công cụ AI;
- c) Thông báo kịp thời cho giảng viên, người học và các đơn vị liên quan khi có thay đổi.
- d) Trình Hiệu trưởng ban hành hoặc cập nhật danh mục theo thẩm quyền.

Danh mục này mang tính chất tham chiếu và không thay thế việc đánh giá cụ thể theo từng trường hợp sử dụng./.

PHỤ LỤC X
Quy trình xác minh nghi vấn sử dụng AI không phù hợp

1. Mục đích

Phụ lục này quy định quy trình xác minh khi có nghi vấn về việc sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) không phù hợp trong hoạt động học tập, nghiên cứu khoa học hoặc công bố học thuật theo quy trình quy định tại Điều 21 của Quy định.

2. Nguyên tắc xác minh

Việc xác minh nghi vấn liên quan đến việc sử dụng AI phải tuân thủ các nguyên tắc sau:

- a) Không được kết luận vi phạm chỉ dựa trên kết quả từ công cụ phát hiện nội dung do AI tạo ra;
- b) Việc đánh giá không dựa trên một nguồn thông tin duy nhất, bao gồm phân tích nội dung, minh chứng quá trình thực hiện và giải trình của người liên quan;
- c) Bảo đảm quyền được giải trình và cung cấp minh chứng của người học hoặc tác giả;
- d) Bảo đảm bảo mật thông tin cá nhân và dữ liệu học thuật trong quá trình xác minh.
- e) Bảo đảm nguyên tắc suy đoán vô tội cho đến khi có đủ căn cứ kết luận vi phạm.

3. Quy trình xác minh

Quy trình xác minh nghi vấn sử dụng AI không phù hợp được thực hiện theo các bước sau:

Bước 1. Phát hiện dấu hiệu nghi vấn

Dấu hiệu nghi vấn có thể phát sinh từ các nguồn sau:

- a) Nội dung bài làm có đặc điểm bất thường so với yêu cầu của học phần;
- b) Sự khác biệt đáng kể so với năng lực thể hiện trước đó của người học;
- c) Kết quả phân tích từ các công cụ hỗ trợ phát hiện nội dung do AI tạo sinh (chỉ mang tính tham khảo);
- d) Phản ánh từ giảng viên, hội đồng đánh giá hoặc các đơn vị chuyên môn.

Bước 2. Kiểm tra sơ bộ

Giảng viên hoặc đơn vị chuyên môn thực hiện kiểm tra sơ bộ, bao gồm:

- a) Rà soát nội dung bài làm hoặc sản phẩm học thuật;
- b) Đối chiếu với yêu cầu của học phần hoặc nhiệm vụ nghiên cứu;
- c) Xem xét các minh chứng quá trình nếu có (bản nháp, lịch sử chỉnh sửa, dữ liệu nghiên cứu).

Trường hợp không đủ căn cứ nghi vấn, quy trình dừng tại bước này.

Bước 3. Yêu cầu giải trình

Khi có căn cứ nghi vấn hợp lý sau bước kiểm tra sơ bộ, giảng viên hoặc đơn vị có thẩm quyền có thể yêu cầu người học hoặc tác giả:

- a) Giải thích quy trình thực hiện bài làm hoặc nghiên cứu;
- b) Cung cấp bản nháp, dữ liệu hoặc các minh chứng liên quan;
- c) Mô tả cách thức và phạm vi sử dụng AI (nếu có);
- d) Tham gia buổi trao đổi hoặc vấn đáp để làm rõ nội dung học thuật.

Người học/tác giả phải thực hiện giải trình trong thời hạn do đơn vị quy định (không ít

hơn 03 ngày làm việc)

Bước 4. Đánh giá chứng cứ

Đơn vị có thẩm quyền tiến hành đánh giá tổng hợp các thông tin sau:

- a) Nội dung bài làm hoặc công trình nghiên cứu;
- b) Giải trình của người liên quan;
- c) Minh chứng về quá trình thực hiện;
- d) Kết quả phân tích từ các công cụ hỗ trợ (nếu có).
- e) Việc đánh giá phải bảo đảm tính khách quan và phù hợp với các nguyên tắc quy định tại Quy định này và các phụ lục kèm theo.
- g) Trường hợp cần thiết, có thể thành lập tổ chuyên môn hoặc hội đồng để đánh giá.

Bước 5. Kết luận và xử lý

Sau khi xem xét đầy đủ chứng cứ, đơn vị có thẩm quyền:

- a) Kết luận về việc có hay không có hành vi vi phạm trên cơ sở hồ sơ và chứng cứ đã được xác minh;
- b) Trường hợp xác định có vi phạm, áp dụng các biện pháp xử lý theo quy định về xử lý vi phạm của Trường;
- c) Lập hồ sơ vụ việc và thông báo kết quả cho các bên liên quan theo quy định.
- d) Lập biên bản xác minh theo Phụ lục VII (nếu áp dụng)

4. Bảo đảm quyền của người liên quan

Người học hoặc cá nhân bị nghi vấn có các quyền sau:

- a) Được thông báo về nội dung nghi vấn;
- b) Được cung cấp thông tin cần thiết để thực hiện giải trình trong phạm vi không vi phạm quy định bảo mật;
- c) Được trình bày ý kiến và cung cấp minh chứng bổ sung;
- d) Được thực hiện quyền khiếu nại hoặc đề nghị xem xét lại quyết định theo quy định của Trường.
- e) Được bảo đảm đối xử công bằng, khách quan trong toàn bộ quá trình xác minh.

Quy trình này được áp dụng thống nhất trong toàn Trường và là căn cứ để lập hồ sơ xử lý vi phạm (nếu có).

Quy trình này không thay thế thẩm quyền xử lý quy định tại Chương V./.